

Hồ Dzênh

NHỮNG TRANG VĂN XUÔI CHỌN LỌC

Cuốn sách không tên

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CUỐN SÁCH KHÔNG TÊN

Hồ Dzênh

cuốn sách không tên

Hồ Dzếnh

*Bìa: **Trần Đại Thắng***

Nguồn: TVE-4U

**cuốn sách
không tên**

HỒ DZÉNH

VĂN HỌC
xuất bản - 2001

TỰA

Cái phương châm có tính quy luật: “Quý hồ tinh...” có lẽ được thể nghiệm sắc rõ nhất trong lĩnh vực văn chương. Để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc, vượt qua được thử thách khắc nghiệt của thời gian và giữ mãi vẻ tươi tắn, tinh khôi... lắm khi lại chính là những tác phẩm không lấy gì làm dày dặn ở số trang!

Với tôi, nhận xét nói trên được đọng lại sau khi đã đọc từ buổi thiếu thời một số tác giả mà tôi yêu mến, quý trọng và sức sống lâu bền của những rung cảm của họ đã qua trang viết mà lan truyền sang tôi và khơi gợi, kích thích niềm say mê cầm bút...

Trong số tác giả đã có ảnh hưởng tới mình, tôi không thể không kể đến Hồ Dzếnh. Chỉ riêng với một Chân trời cũ, ông cũng có một chỗ đứng vừa khiêm nhường vừa vững chắc trên văn đàn.

Những duyên phận tăm tối và buồn rầu với những chuỗi ngày đau khổ triền miên của người thân đã như những con sóng lớn va đập mãi vào trái tim dễ rung động và tràn ngập yêu thương, nhân ái của Hồ Dzếnh.

Có phải đó là nguồn gốc sâu xa của

cái “sầu vạn cổ” chất trong hồn nhà văn?
Và có phải đấy cũng là điều kiện để tác giả có những trang viết đầy xúc cảm và có sức mạnh lay động lòng người?

Có lẽ số phận của con người này - với những nỗi buồn sâu thẳm và những niềm vui hiếm hoi - đã quy định phong cách và cái “tạng” của một nhà văn.

Tôi nhớ vài chục năm trước đây, do yêu mến Hồ Dzếnh, có người bạn báo tin mừng với tôi là Hồ Dzếnh đang soạn cho ra Chân trời mới. Ngày ấy, tôi đã nghĩ thầm: Trái tim ông tràn ngập dĩ vãng đau buồn, không biết có còn chỗ nào cho niềm vui mới cư trú? Và lại với cái “tạng” cố hữu, liệu ông có dễ dàng “lột xác” để tìm đến những gì dễ dãi, hời hợt và ít chứa đựng chiều sâu nhân bản?

Và sự thật, đấy cũng chỉ là lời đồn

trong làng, trong giới.

Nhưng nếu không có Chân trời mới thì con người giàu yêu thương và nhiều trăn trở ấy, nhà văn của dĩ vãng đau buồn có làm ngơ trước những quặn thắt của trái tim không chịu nguôi quên những bóng dáng, nỗi niềm máu thịt của chính đời mình?

Và lời giải đáp đã đến với chúng ta: Ông trung thực với chính mình, ông trang trải lên mặt giấy một dĩ vãng có thật với tất cả những rung động của sự thành thực.

Với tập sách mà bạn đọc đang có trên tay hôm nay, một Cuốn sách không tên mà tác giả, trước ngày qua đời, chưa có ý định công bố, thêm một lần minh chứng

cho sự nhất quán bền vững và bản lĩnh của một nhà văn.

Cuốn sách không tên này do gia đình nhà văn tìm lại từ chồng di cảo đã ố vàng và tuy chưa được chính nhà văn sửa chữa và đánh dấu chấm hết cho tác phẩm... nhưng chúng ta vẫn có được niềm sung sướng là đi tiếp mạch văn của Chân trời cũ, chia sẻ cùng tác giả những đau buồn của quá khứ và tâm hồn ta sẽ được thanh lọc khi được tiếp nhận tình cảm yêu thương, nhân ái của những nhân vật mang đậm màu sắc tự nguyện của tác giả Chân Hoàn toàn đúng như lời Thạch Lam đã tiên đoán tài tình trước đây nửa thế kỷ khi nói về Hồ Dzếnh:

“Chúng ta thấy tác giả đã ít nói đến mình, để làm trội những nhân vật khác lên, tuy rằng lúc nào tác giả cũng là vai chủ động...”

Cuốn sách không tên này, một lần nữa, khẳng định văn tài của Hồ Dzếnh, một lần nữa, bồi đắp thêm cảm tình của bạn đọc, những người vốn đã yêu say Chân trời cũ và Quê ngoại.

Và có lẽ đây cũng là phần bổ sung cho tuyển tập Tác phẩm chọn lọc của nhà văn Hồ Dzếnh mà Nhà xuất bản Văn học đã ấn hành trước đây 5 năm.

Trĩu nặng một nỗi buồn yêu thương, với nỗi đau xâm chiếm tất cả tâm hồn người viết, tác phẩm này cũng giúp ta hiểu thêm Hồ Dzếnh, một ngòi bút luôn luôn trung thực và chân thành.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc gần xa.

6-1993

NGUYỄN BAO

Tôi sinh vào hồi ba giờ chiều, tháng bảy dư, năm Kỷ Sửu, ở một làng nhỏ cách xa Hà Nội gần hai trăm cây số. Thoạt tiên, nơi tôi sắp ra đời được chọn trong một khu vườn sắn, sát ngay bờ rào, dưới hai mái tranh lợp tạm. Hồi còn nằm trong bụng mẹ, một cái bụng nhọc nhằn từng leo trèo không biết bao nhiêu ụ tác chiến, lượn theo nhiều quãng đường chữ chi, tôi nghe cha tôi nói thầm với mẹ tôi:

Để rồi ta liệu cách cho con nó ra đời ở nhà hộ sinh, chớ đẻ ngoài trời khổ lắm. Thằng anh nó đã suýt một lần nguy vì

giông tố. Bây giờ phải tránh trước đi.

Anh tôi đã biết chạy chơi và không đòi bú tí nữa. Đứa lớn chưa cao quá sáu mươi phân, mẹ tôi đã lại phải nuôi đứa nhỏ. Thành ra tôi tranh phần sữa của anh tôi, trong bụng mẹ. Được cái cai sữa cho anh cũng dễ: một chút ớt cay bôi lên đầu vú, thế là cái miệng chúm chím, hồng mọng từ bỏ ngay đôi bầu hạnh phúc tròn căng, món quà quý giá vô song ban cho người đàn bà do Tạo Hoá.

Cũng chính ông Tạo Hóa đó, một đêm sáng trăng lênh láng trên đồng quê, mượn cảm hứng của con người để cấu tạo nên một giọt máu. Trong hương cau thơm lừng bầu không khí êm dịu, cuộc tiếp xúc giữa hai tâm hồn đồng cảm mất hẳn tính cách thường tình. Con mèo vàng trên hè, cuộn mình nằm ngủ. Mây bay chậm quá tưởng như ngừng bay.

Con sông con trải qua làng cũng ngậm kín tiếng nước trong bóng tối. Trời đất có tôi vào lúc mơ màng đó, lúc mà nỗi cơ cực của cuộc đời được che đi, được thấm nhuần vì bóng mát của hai mái tranh thu hình dưới bầu trời vắng vặc. Người đàn bà rùng mình, thấy cơ thể, ngay ở phút đầu giao hoan, hoàn toàn khác lạ. Và một cảm giác thần thánh làm kiêu hãnh vắng trán người đàn ông đã biết mình vừa được ký hộ một tên người vào cuốn sổ định nhân loại.

Giờ khắc kết tinh kia chói chang một ân huệ vô giá. Đối tượng của nó là vắng trắng tròn, khung cảnh lồng nó vào là núi sông êm ái. Để rồi, mãi mãi than ôi! Người đàn ông thất vọng, ngậm ngùi trước bất công trong nhân loại, vẫn hay nhìn lại cái đêm huyền ảo xưa, để giữ cho lòng mình đừng tàn nhẫn. Đứa con.

Người vợ. Mái nhà. Trăng và gió. Những cái đó đã hiểu lòng người đàn ông đau khổ - những cái hồn nhiên, chung thủy vô cùng - đã dạy người đàn ông vào đời nên luôn luôn nhớ đến đứa con, người vợ, mái nhà, trăng và gió.

Tôi là một hài nhi khỏe mạnh, nặng ba cân rưỡi. Có được một sức khỏe đó, vì tôi được áp dụng cái phương pháp hiệu nghiệm này: theo đúng cách kiêng cử của những súc vật. Trong một hoàn cảnh hiếm cao lương, mỹ vị, chỉ có cá, rau, sức khỏe của mẹ tôi được bồi bổ thanh sạch. Ba tôi dạy học ở xa, ít khi về thăm nhà, chỉ mỗi tháng một bận. Tôi lại chỉ bú rông một nguồn sữa mẹ, món ăn độc nhất của đứa bé con nhà nghèo; ngọn rau hái trong vườn, mẻ tép hốt được ở đầm lạch, hạt gạo đỏ thơm nguyên hương vị đất, những cái đơn sơ, tươi tốt đó đã làm

tròn mong đôi bầu vú của mẹ tôi.

Nhưng nơi tôi ra đời không phải là nhà hộ sinh, mà vẫn cứ là khoảng vườn sản. Bởi vì cha tôi, hôm đó, nặng nhọc đạp xe về, rồi thất vọng chép miệng:

– Thôi liệu mà tìm cách ở cũ vậy. Lương dạy học tháng này có lẽ chưa phát đúng vào đầu tháng đâu.

Mẹ tôi ngược đôi mắt mệt mỏi lên nhìn chồng, rồi vui gượng:

– Thôi, đẻ ở đây cũng được, lo gì. Đã có số!

Trước mấy hôm sinh tôi, trời vào thu với những cơn gió trở lạnh. Cha tôi hay lo âu nhìn trời, cầu mong một ngày nào đó tạnh ráo, để chỗ mẹ tôi nằm nơi - một góc vườn - khỏi ướt.

Tôi bắt đầu cựa mạnh trong bụng mẹ. Những cơn đau nhâm nhảm rồi dội lên, làm nét mặt người đàn bà hiền lành và chỉ biết hy sinh nhân nhó lại thê thảm.

Thế rồi một buổi chiều, tự nhiên trời giông gió. Sét đánh tung và cháy xém cây đa cuối làng. Liên tưởng đến tiếng bom dội bên cạnh nhà ngày nào, mẹ tôi run lên và phục xuống đất. Dưới cơn mưa tầm tã, bồ hôi lẫn vào nước, cha tôi cũng vợ chạy vội ra căn lều dựng tạm, đặt lên chiếc chõng tre. Trong nỗi đau xé lòng, đứt ruột, người vợ nhu mì không còn biết hổ thẹn nữa trước mặt chồng. Và người chồng chưa bao giờ nghĩ rằng bàn tay mình sinh ra để có ngày phải giúp vợ trong công việc đó, đã táo bạo và lạnh lẽo đỡ lấy đứa hài nhi, và chôn rau và cắt rốn. Chiếc lều nhỏ đôi lúc rung chuyển trong cơn mưa to gió lớn, che đỡ, ủ ấp

cho một cuộc sinh nở nhỏ nhoi, thầm lặng. Từ lúc chiếc đầu nhỏ và mềm như quả bóng chui khó khăn qua cửa mình người đàn bà, cho đến lúc bật lên một chuỗi khóc the thé, ý nghĩa cuộc đời kết tinh lại trong mấy phút vừa linh thiêng, vừa đau đớn.

Bồ hôi còn tuôn đầm đìa trên tóc, trên trán, thì một nụ cười thần thánh đã nở. Còn cái vui nào cao sang hơn thế nữa, trong lúc thịt tan, máu đổ, trong lúc người chồng nín hơi thở để kinh ngạc trước tác phẩm của khí huyết mình, và người mẹ mừng thầm, quên hẳn cuộc đời vừa rách nát.

Tắm rửa cho tôi xong - ôi đôi bàn tay người đàn ông vụng dại - cha tôi bế tôi và khiêng mẹ tôi vào nhà trọ. Lúc đó, trời vừa hửng sáng. Màu xanh ngấn qua những kẽ lá còn lóng lánh nước mưa. Gió

thoảng đưa vào nhà hương cây chanh mới được ướp lại.

Cha tôi đứng ở cửa sổ, nhìn ra dãy núi bên cạnh làng. Hơi mát đã se dần lượt mồ hôi trên trán.

Nằm mệt trên chiếc giường tre ọp ẹp, mẹ tôi hỏi cha tôi:

– Anh có định mời cha về rửa tội cho con không? Thằng nhỏ trông kháu quá.

Cha tôi cười, buồn vui lẫn lộn, nhưng tiếng đáp lại thật là êm:

– Nó có tội gì đâu mà rửa. Mà rửa để làm gì khi cõi đời này vẫn còn vô vàn cái đáng rửa.

Ngẫu nhiên, ngay lúc đó, hồi chuông giáo đường nổi lên trong cảnh choạng vạng, loảng ra theo nỗi hiu quạnh trên

cánh đồng. Cha tôi chắc hẳn không nhớ đến bản kinh thường đọc, nhưng đương cảm thông với những tiếng thầm thì gì khác. Con người đó đã gặp Thượng Đế từ lâu, trong lòng thương con, xót vợ, trong niềm chua xót ở đời.

Thế là trong căn nhà tranh, từ nay có bốn người tất cả. Anh tôi đã lớn, nghĩa là đã biết đòi ăn. Tôi nằm trong cái thúng treo lên làm nôi, che bằng một lượt vải màn thưa cũ. Anh tôi vẫn hay chạy lại gần, hé màn ra và tự nhiên kêu:

– Bé! Bé!

Bốn mắt chúng tôi ngây dại nhìn nhau, trong khi cha mẹ tôi cúi đầu xuống... Cha tôi vẫn âu yếm nhìn chúng tôi và bảo:

– Có hai thằng con như thế này mà kiệu lên mỗi đứa một bên vai, rồi đi khắp mọi nơi cũng khoái.

Anh tôi và tôi là hai buổi bình minh nồn nà, mà cha tôi vừa ngắm vừa run, mỗi lần chúng tôi thức dậy sớm, tôi tập lầy trên giường và anh tôi nhìn mái nhà cười với các lỗ nằng. Cha tôi thương chúng tôi quá, nên chỉ biết nói:

– Quay “rô-ti” hai đứa này lên, thì chắc là ăn ngon lắm.

Yêu đến độ nghĩ đến chuyện “ăn”, thì quả là cái yêu kia đã là tuyệt độ. Nó xót xa như khi người nhà nông nghèo nhìn cơn bão đến bẻ từng bông lúa máu, và như người tín đồ đã nhập thể với tôn giáo, thấm cảm nỗi đau đớn của Phật Thích Ca. Cái yêu kia biểu hiện bằng một lời nói hờ hững của cha tôi:

– Chắc là hai đứa kia không biết rằng ta yêu nó.

Ai nghe, ai hiểu, ai lý luận được cái yêu? Nó ở trong ta, quanh ta, bao la, thâm kín, không hết bao giờ, dầu đời ta sẽ phải hết. Yêu như người bố nào đó, đêm tử hình của con, đứt lót với tên cai ngục, để tự mình bịt mặt lại, nhận lát kiếm thay con? Yêu như vậy có cặp nhân tình nào yêu nhau nổi? Và yêu như mẹ yêu con, như tín đồ xả thân vì Chúa. Những dòng máu kia, nóng hổi, cuộn cuộn, đã viết nên trang lịch sử diễm tình nhất của nhân loại, chứng tỏ rằng nhân loại vẫn còn là con người - những con người máu mủ.

Nhưng rồi mặt trăng đã có một lần mờ và khuyết.

Cha tôi không được dạy học nữa, vì sức yếu, vì quá lo lắng cho hoàn cảnh của chúng tôi. Một buổi chiều tan giờ học, cha tôi bế tôi lên, hôn say sưa vào má tôi rồi nói thầm:

– Người ta không cho bố mày dạy học nữa. Nhưng mày không chết đói đâu. Mày đẹp lắm, mày lại hiền lành. Thế là được.

Trong bóng tối của căn nhà lá, lời bố nói với con kia có một cảm xúc đặc biệt. Nó hứa một cái gì nghiêm trọng lắm, thiêng liêng lắm. Tuy vậy, lúc mẹ tôi bước vào, cha tôi lại nói khác đi:

– Nó vẫn chưa biết rằng ta yêu nó.

Nhưng rồi người mẹ biết lòng chồng, nhờ ở mảnh giấy cho thôi việc tình cờ lượm được trong túi áo. Người mẹ biết,

rồi lại bên chồng, cúi xuống con, và cũng nói:

– Phải, nó chưa thể biết được rằng ta yêu nó.

Mà thật, còn nhiều cái tôi không được biết vì chưa ra đời. Cha tôi kể lại:

– Chúng ta không phải người rừng đâu, con ạ. Sở dĩ ta lên rừng sống, vì Hà Nội có một lần ngâu sôi khói lửa. Những con người chỉ biết đời ăn trắng, mặc trơn, đã bỏ lại sau lưng tất cả cơ nghiệp, chạy lấy cái sống bốn phương trời. Những nơi ngày xưa chỉ thoáng hiện trong câu chuyện cổ tích, vụt ăm ắp những hơi người. Địa đồ Việt Nam được nhân dân lục ra nơi nào có thể trốn tránh được. Cuộc luân chuyển Bắc Nam đó thổi một hơi gió mới vào đời sống tưởng cứ mãi một chiều. Sự xum vầy quanh tử chèo, sập

gụ đã đổi ra cảnh tụ họp với muôn ngàn bộ ngực anh em. Sức chịu đựng giãn co như cao su, âm thầm, nhẫn nại. Không cần cách nhau như Nam, Bắc cực, trên bản đồ chữ S, có những nơi con người nghe nhau nói, mà không thể gần nhau, cuộc sống tuy chung mà tác phong lại khác hẳn, tuy rằng trái tim thương nhớ vẫn đập mãi những nhịp điệu sông hồ!

Cha tôi kể thêm rằng có những con người tản cư đi xa, đi xa hoài Hà Nội, nơi họ hằng thương nhớ, để rồi một ngày kia, nhìn chiếc lá rừng rụng xuống, đời họ cũng rụng theo, bên một giải suối không tên, trên đó lơ mờ có bóng tháp rùa và có năm cửa ô lịch sử. Cũng như các người lánh nạn, chúng tôi lúc đó chỉ mới có cha mẹ tôi - di động lên vùng sơn cước, giáp Thượng Lào, để vỡ một cái ấp nhỏ với một toán người muốn yên thân.

Đất rừng đỏ như tiết, thử thách nghị lực con người bằng những bóng cây âm u, những bụi gai chằng chịt. Tiếng chim “cung quải” giạt mình bay lên, tung ra, hốt hoảng, trong tiếng xe bò nặng nhọc, ẹo ọt giữa cảnh rừng hoang.

Có một người đàn ông nai lưng ra vắn bánh xe gỗ và một người đàn bà hy sinh sự sống êm ấm theo chồng, quần xắn lên để lộ đôi cổ chân trắng nõn, bắt đầu dẫm lên mảnh đất phong trần. Vài mái nhà lá dựng lên bên lề rừng, dăm cuộc đời ghé lại nhau, nương dựa nhau trước bức tường thiên nhiên bí hiểm. Ở cửa rừng thâm nghiêm, nhiều buổi bình minh chợt hiện với tiếng chim trong tiếng lá, với màu hy vọng rực rỡ chân trời. Cụm rau xanh lẫn bên những khóm sim dại, bóng khói thổi cơm chiều hòa vào màu sương tím, điểm nhớ nhung

thành thị càng làm hiu hắt nổi vắng vẻ của sơn lâm. Những lúc băng khuâng đó mà ngâm lại mấy câu Kiều thì sung sướng biết là bao nhiêu:

Rừng thu tăng biếc chen hồng

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.

Anh tôi và tôi sinh đẻ ở vùng sơn cước, nên lúa rẫy, ngô, khoai rừng có một sức cám dỗ đặc biệt. Mầu mỡ đất đỏ tỏa một hương vị nồng cay, thấm vào lòng con người như chất củ nâu chát và tre ngấm vào lần vải thô Nam Định. Chúng tôi nhớ mãi nền trời tạnh ráo, long lanh bật lên một khoảng sáng kỳ ảo, sau khi cơn mưa rừng đã man mát những đường roi kinh hồn vào mái nhà lá. Vườn rau xanh hơn lúc nào hết, bài thơ thiên nhiên lại chấp thêm những vắn mới, rung cảm lại tìm về trong cuộc hồi

xuân, vì lòng người không bao giờ chết được.

Phải, tôi chỉ ở rừng có một dạo, nhưng nhát cuộc thô sơ ký bằng cả sự tận tình những kỷ niệm lên mảnh đất, nhát cuộc đó còn dội vào tim tôi, mỗi lần tôi nhớ lại.

Song le cái xã hội vài chục người kia mòn dần đi vì bệnh tật. Khe suối rừng nóng bỏng thi đua với những cơn sốt vàng da. Năm chục người còn lại bốn, rồi còn ba, rồi chỉ còn ngót nửa. Từ dưới kia, đất phồn hoa phảng phiu và dễ dãi, không muốn nghĩ đến rừng, sợ rừng, không ai muốn “sơn tiến”. Rồi một hôm, bóng cây rừng lại lan đề lên rẫy lúa, đất hiềm choãi ra, tiếng con vượn ầm con cười dài nhìn một bọn sinh vật thông minh lùi bước. Xe bò quay trở lại, âm điệu rời rạc như tiếng lá buổi chiều.

Nhưng vũ khúc thác ngàn linh thiêng vẫn réo hoài trong lòng người sẵn sàng nhớ thương và đau khổ.

Lướt về cha tôi điệu trên lưng đứa con nhỏ – anh tôi – và mẹ tôi thì xách bọc hành lý: Da cả ba đều vàng ửng, cả ba thất thểu trở lại đồng bằng. Chiếc xe bò ngày nào chở cả một chí lớn lên ngàn, bị vất chống ngược hai càng lên trời, rúc vào bờ dậu thưa. Trông nó giống như một con tuấn mã, bây giờ què, đêm đêm nghe tiếng dậm trường khua vang trong linh hồn gỗ mọt. Chân mẹ tôi đã dạn dày với đá, đôi gót sần sù. Nhưng khi lội qua một con suối nhỏ, cha tôi dừng lại, nhìn mơ màng làn da trắng ở cổ chân, rồi bất giác chép miệng thương thâm cho vợ. Mẹ tôi có lẽ cũng hiểu thấu lòng chua xót của chồng, nên nói lảng:

– Ta đi nhanh lên một chút, kéo nặng con.

Thằng anh tôi nhảy cõn trên lưng bố, theo bước đi lên xuống.

Sau ba ngày lang thang, bọn người đặt chân lên mảnh đất bằng phẳng, nơi ngô khoai chen lẫn từng tấc mầu mỡ và cũng là nơi, sau này, tôi mở mắt chào đời.

Chiến cuộc chỉ mới bước vào năm thứ hai. Còn lâu, còn gian nan, còn gay go mới đến ngày đoàn tụ. Sinh kế đã cảm thấy khắc khổ ở mọi lớp người, trước viễn tưởng chiến tranh gần như vô cùng tận. Gánh gia đình, cho đến ngày có thêm tôi, mới bắt đầu nặng nhọc. Nếu đời là một thiên lệ sử, thì ngay buổi tôi sinh ra, những dòng chữ khắc khổ đã thành hình.

Tôi sinh ra giữa một kỷ nguyên khác lạ, kỷ nguyên của những con đường thênh thang bị phá vỡ, cầu đổ sụp, nhà cửa tiêu tan, xe cộ mất lối. Người đô thị tản mạn lên rừng xanh, những cô gái xinh tươi của cuộc đời nhung lụa biến thành những cô hàng nước, những bèo bọt phong trần. Cuộc đời đó thật là vĩ đại và kinh khủng, lay chuyển hết mọi tầng lớp, giai cấp, san phẳng hết mọi chênh lệch vì sang giàu. Nếu chỉ có một trạng thái biến đổi đó thôi thì chưa đến nỗi gay gắt. Đằng này, buồn thế hệ găm nhấm vào từng lòng người, cái phần uất, cay chua nhào thành một loại cảm giác kỳ dị, gán lên cuộc sống một hình thức sượng sần khó tả. Cái gì dở, trái, đều được văn chương mới mạng danh bằng những tiếng kêu ròn: tiểu tư sản, phong kiến. Muốn vào trong cái thế giới vừa tân tạo hôm qua, con người bắt buộc phải qua

một lượt lột xác, hay ít nhất, cũng phải có ý thức lột xác. Thành ra có nhiều lúc con người băn khoăn tự hỏi mình sao lại phải điều chỉnh như vậy, và nếu mình cứ giữ thành phần của mình thì đã sao chưa?

Nhưng tiểu tử sản lại là một chất nhựa độc vì người ta bảo thế đã nuôi lớn một lớp sống trước để cho lớp sống sau này kết án. Sau này, món ăn đã khác, tư tưởng đã thay, loạt nhân sinh như tằm ăn lên, đã gặp đúng hoàn cảnh đón tiếp. Còn cái loạt trước mới đến là rầy rà! Máu là máu cũ, ngũ tạng đều thấm lớp men chua, lời nói, tâm tình sặc sụa những lãng mạn.

Cha tôi rơi đúng vào cái ngã ba đó. Tôi cũng sinh nhằm vào thời đó. Một cái cũ đi chặt chiu ôm ấp một cái mới, trong khi cái mới xung quanh vẫn tìm cách

đào thải những nếp sống trái ngược, tôi thấy là cả một chuyện kỳ.

Cuốn sách này khơi mầm ngay từ chỗ kỳ đó. Bởi vậy nó sẽ không có những cái gì vẫn dành cho những cuốn truyện thường thấy. Trong cuốn nhật ký của tôi chép trên giấy bản, với nét bút chì, sau này lớn lên tôi đã đọc được một đoạn:

“Điều làm tôi hốt hoảng nhất là văn phẩm của tôi lâu nay viết ra, cứ giá băng và cần cỗi. Tôi cũng chưa xót, đau khổ, nhưng tại sao, cũng với giấy này, bút nọ, tôi không ghi được hết lời? mà nếu ghi, lời tôi lại trệch khỏi ý. Nghệ thuật chắc có bất mãn chỗ nào, nên nghệ sĩ không trải lên được đầy đủ bản sắc. Đâu phải tôi không nhận thức rằng ngày hôm qua đã hết thật, và cuộc sống đương lên đòi ở tôi một phần góp gom thành thật. Con mắt thời đại đã khác. Nó sắc và to, không

có rèm mi nào làm dịu. Tôi, tôi ưa nhìn thực tại với chút bóng dịu dàng, dầu là chút bóng mơ mộng. Con dao mổ người bệnh chỉ có tiếng soèn soẹt mà không nên thơ, và văn chương lại không thể lạnh lùng như y khoa được. Tôi nghe có ai đề cập đến câu chuyện lãng mạn cách mạng – một phương thức hòa giải giữa cái cũ cần phải tàn và cái mới đang dựng. Có lẽ con đường đi đó phải thẳng, nhưng tai hại thay, hoàn cảnh xã hội lại nhiều lúc căng đến một độ đứt được. Chúng ta là những kẻ đạp con tàu tốc hành, phản lực. Chúng ta bịn rịn nhiều thứ của chúng ta: nào hành lý vợ con, nào áo quần tư tưởng. Mắt ta đã mờ. Lòng ta đã mỏi. Lẽ dĩ nhiên là tốc lực con tàu không biết đến sự ngại ngần của hành khách, vẫn phóng chạy qua bức tường siêu âm. Nhưng ta đã làm gì đến nỗi! Trong đám chúng ta ai mà không có một vài thiện chí của con

người? Chút thiện chí đó, góp lại, cũng đã làm nên nửa trái đất đương tươi tốt với chim muông, hoa cỏ, đương khao khát một lý tưởng thanh cao”.

“Giữa những phức tạp ngổn ngang như kia, với những mâu thuẫn chọi với mâu thuẫn, con người văn nghệ, ngậm kín nỗi đau lòng. Và giữa lúc cuộc đời dần biến là một lò sát sinh lớn, tiếng nói văn chương sau này nếu được cất lên, sẽ là những tiếng trong sạch. Nó nín im, lúc này, để hàm dưỡng, xúc tích, và mai đây, nó sẽ nổi lên thành một bản khái hoàn, đặc thắng. Bởi vì văn chương là thành thật, nghệ sĩ là nhân đạo, những yếu tố đó sẽ xây dựng ngày mai với những nét sáng trong lịch sử”.

“Tôi có nên nói rằng tôi ghê sợ cái sống trừu tượng - lối sống lẫn đi để lúc nào cũng mong được nhàn rồi. Không,

nghệ thuật phải được đẩy dọa, chìm nổi, dần vật, đau thương, nghệ thuật mới có lối hứng khởi. Và trong cuộc sống phức tạp ngày nay, nghệ thuật nếu kéo được nhân sinh về với mình, cũng như chủ nghĩa từng là đá nam châm hút chặt những tâm hồn thích hợp, nghệ thuật mới có thể thành công”.

Vậy, ở một làng gần rừng, cách xa Hà Nội hai trăm cây số, tôi đã ra đời trong hoàn cảnh chưa ổn định ấy. Cái đầu tiên tôi cần nói, là chúng tôi nghèo đến nỗi không đêm nào không có tiếng bàn bạc to nhỏ của cha mẹ tôi về đồng tiền. Mẹ tôi lo lắng nhiều, nên đã hai phen tôi bị xúc động trong bụng. Một lần tôi cựa quậy, thiếu chút nữa cái màng bọc thai rách ra. Lần thứ hai, tôi làm lộn xộn bụng người mẹ lên, vì dòng sữa nuôi tôi đậm ra thiếu. Mỗi lần như vậy, tôi đều bị một

chất nước khai khai, hăng hăng và mần mần hòa vào mùi gay gắt của lá ngải cứu trấn áp, nên đáng lý làm xẩy thai, tôi lại nằm yên.

Một hôm tôi nghe có tiếng vải bọc xé ra: cha tôi đã hy sinh hai cái lót mình cũ để làm tã lót tôi. Tã được nhuộm mực tàu hòa vào nước lá chàm, hung hung một màu tro mát mắt. Tôi nhớ mãi mà không nhớ được những thứ nào nữa, ngoài cái thúng treo lên làm võng để đưa ru tôi.

Ba giờ chiều vào một tiết thu dịu, một hài nhi xé lòng mẹ ra đời, quần mình trong cái tã cũ và chiếc áo sợi thay chần. Trong khi đó, ở một trường huyện nhỏ thiết lập tạm trong miếu thờ Thành Hoàng, một tôn sư đương giảng bài văn pháp cho học sinh nghe: “Tờ-ra-vai-ê là làm việc, bố-cu là nhiều lắm, dơ là tôi. Dơ tờ-ra-vai-ơ bố-cu là tôi làm việc

nhiều lắm”.

Thầy giáo giảng nghĩa rất kỹ, đến nỗi tất cả học sinh đều nhớ như in vào trí. Thầy tận tâm, ngoài chức phận đã dành, lại còn một cố nữa: cuối tháng rồi, học sinh cần phải được vui lòng để nộp tiền học sớm. Bài giảng hết, thầy sửa soạn đứng lên và run run hỏi:

– Hôm nay có em nào xung phong trả tiền học cho ban quản trị trước không?

Lớp học lạnh ngắt như... hơi đông. Niềm hy vọng phát phৌr đậu rồi bay từ mặt này đến mặt khác. Không một ai lên tiếng. Thầy chờ nữa, chờ nữa. Một em nhỏ đứng phắt lên:

– Thưa thầy, người nhà con bảo tiền học mỗi tháng nặng lắm nên còn phải thu xếp.

Thầy ngược mắt lên nhìn tấm lịch. Hôm nay đã là mừng hai. Ông thủ quỹ mắt toét ngày làm việc ở trường, tối đến đi học lớp bình dân, ngồi đợi ba hôm nay mà chưa thu được đồng nào cả.

Thầy giáo nói cho đỡ trống trải:

– Không, là thầy nhắc các anh như vậy. Cũng nên thanh toán đi cho ban giám đốc khỏi nhắc. Chớ thầy chỉ biết dạy học thôi.

Lớp học vẫn im lặng. Đôi mắt thầy dạo lên trên năm mươi mấy em học trò. Bỗng thầy nhìn chăm chăm vào một anh lớn nhất rồi hỏi đùa:

Anh Tước, anh vẫn cưỡi xe đạp chân đi học à? Anh học trò tên là Tước cười cười:

– Dạ, con vẫn định mua xe nhưng chưa chọn được. Hôm nào, con phải nhờ thầy xem giúp.

Ý nghĩ thoáng đến làm thầy giáo run. Thầy nghĩ đến cái xe đạp của mình. Thầy muốn bán nó đi. Bởi vì vợ thầy đã đẻ, con thầy những hai đứa còn non, mà lương hàng tháng lại chậm và ít. Đành rằng bán xe thì chỉ có nước đi bộ, kéo lê hàng mấy chục cây số đến trường. Nhưng còn hơn là để nó mà vợ con đói. Nó cũng là vợ đấy, người vợ bằng sắt, người vợ đã dắt dìu chồng trong mấy năm nay, từ trường này đến trường nọ. Nó chỉ phải cái tội là hay dỏ chứng luôn, lúc thì đứt xích, lúc lại long cá, lúc phì hơi. Đi nhanh, nó kêu kèn kẹt, chồm lên ở những mô đất lồi lõm. Nhưng ân nghĩa tao khang cũng còn bằng mấy so với đôi chân cuốc bộ.

Thầy mới có ý định bán xe mà đã buồn rười rượi. Cái đồng sắt kia chỉ đáng vài trăm là hết nước. Nhưng tình khăng khít kỷ niệm mới thật là to, là nặng. Phải, những hôm chiều trời bảng lảng, tan buổi học về, bánh xe kêu ro ro trên con đường đê nghe vui tai lạ. Đứa con của thầy giáo ngồi phía trước, sung sướng được bố đưa đi chơi. Và cũng có những đêm mưa lạnh, xe trườn trên lớp bùn làm quẩn bánh lại, bồ hôi người đập lẫn vào lớp nước tạt lên xe. Rất nhiều khi xe nằm ỳ ở rìa đường ruộng. Cái thất vọng tưởng chừng như bao la, gieo thành nỗi căm tức lên mấy thanh sắt tam giác, hình tròn, hình vòng cung, đường kính. Nhưng khổ cực nhất là lúc người phải công xe, dò dẫm băng qua những chiếc cầu tre ẻo ợt. Đến giữa cầu, cây tre rung lên, lớp lạt đứt, cả người, cả xe rung thành một điệu xiếc bất đắc dĩ. Sắt đê lên

vai, ê ẩm, tiến cũng dở, lùi cũng nguy. Nước sông dưới kia chảy xiết, liệng đồng sắt xuống lại không đành. Chỉ còn cách bò xấp, xe cồng trên lưng, trườn từng đoạn một. Rồi cả xe, cả người nằm ngất ở bờ cỏ, trong thiên tâm sự bi đát có lẫn điệp khúc anh hùng ca!

Đến lúc này, thầy giáo sắp phải bán người bạn sắt quấy rầy nhưng ân nhân kia đi. Để nuôi sống những sinh mạng khác mà cái tồn tại cần thiết hơn là cái trọng lực hai mươi cân. Đợi tan buổi học, thầy giáo gọi Tước lại, nói khẽ:

– Tôi định mua một chiếc xe đạp khác, nếu anh muốn lấy, tôi để lại cho anh với giá ủng hộ.

Người học trò nhìn thấy một cách kinh ngạc. Không phải kinh ngạc vì thầy dạm bán xe, mà vì xe của thầy khó lòng

bán nổi... Trông nó thô kệch thế nào! Niên hiệu xa mờ, dấu xe cùn cỏi không đảm bảo được chút nào cả. Gả chồng cho một cô gái đứng tuổi gù lưng lấy một chàng thanh niên còn dễ hơn là bán chiếc xe vào loại đó.

Mặt người học trò đương lơ lảo thì thầy giáo đã nhấn mạnh thêm:

– Tôi đã bảo anh đừng e ngại. Xe càng cổ càng bền. Cái này tôi đã dùng mười năm rồi. Anh cứ lấy, tôi vừa cho, vừa biếu. Đáng lẽ tôi thưởng cho anh vì sức học giỏi, nhưng tôi nghĩ chưa phải lúc.

Người học trò khó nghĩ quá. Thầy mình gán cho mình cái bảo vật cổ này để làm gì? Thực là khó hiểu, khó nghĩ. Từ chối thì bất tiện, mà ưng thuận có chỗ không đành.

– Tôi đã bảo anh cứ lấy. Có người trả tôi ba trăm, tôi không thuận, vì ai lại bán xe cho người lạ. Đằng này, với anh, tôi chỉ tính có hai trăm. Anh phải cho là rẻ...

Người học trò vẫn yên lặng. Hắn bắt đầu nhìn chiếc xe, suy tính. Kể ra thì hắn cũng là tay biết xe, và tinh ý nữa. Cuối cùng, hắn ngoảnh lên, nửa đùa, nửa lẽ phép:

– Xin trả thầy... một trăm!

Một gáo nước giội vào lòng người cầm cân nẩy mực về văn tự. Nhưng trường hợp bán mua đó rất chông chênh, nguy hiểm. Nếu thầy chối từ, là việc thất bại. Mà thầy đòi thêm, đâu phải đạo bề trên. Thôi thì đành, một nụ cười cay chua trên đôi môi khô héo:

– Thôi được, tôi cũng để cho anh, khi nào không cần, anh trả cho tôi cũng được.

Câu nói vượt cơn ngượng, thầy biết: chiếc xe đã bị hy sinh một cách tàn nhẫn. Thầy lẩm nhẩm:

– Nó có tiền mua xe, sao nó không trả tiền học? Người học trò như đoán được ý thầy, quay lại:

– Tiền con đi nộp thuế, thấy thầy nói vậy, con cũng liều tiêu đi, để lúc khác hãy nộp.

Nhìn chiếc xe bon bon theo đường cỏ, chở đứa học trò vừa thắng thầy một ván bạc tiểu xảo, bất giác người môn sư nghèo kia ứa nước mắt. Đâu đây, trong lớp bóng tre buông xuống mặt đường, còn như vo vo đôi bóng xoay tít. Và trên

chiếc cầu tre, hình ảnh con người cồng xe vẫn run run, khó nhọc.

Bước chân yếu đuối chậm chạp lên đường. Một trăm bạc nằm trong đáy hầu bao không nghe nặng chút gì cả. Thấy đưa khăn lên lau mồ hôi. Xa xa, những lũy tre xanh biếc. Ở nơi chân trời kia, trong căn nhà nhỏ, thấy như vừa nghe tiếng đứa trẻ con khóc... Đôi mắt thấy chớp lên mấy cái. Trời ngả màu chiều.

✱

Tối hôm đó, cha tôi bước vào nhà. Anh tôi chơi ngoài hè, thấy bóng bố, nháy cựa lên:

– Bé, bé, bé cười, bố ạ.

Và tiếng người đàn bà run run từ trong bóng tối căn buồng đưa ra:

– Con trai ngoan lắm, mình ạ. Sao mình về chậm thế?

Chậm thật. Có mặt trăng mà cha tôi vẫn cặm cui đi, không biết. Một lưỡi liềm gài lên sau hàng rào tre mỏng. Ngọn đèn dầu nhỏ hiu hắt trên bàn con và bóng tối ngào ngạt những hơi sữa. Hai bàn tay nắm chặt lấy nhau, một cái lạnh vì sương gió, một cái yếu vì mất nhiều sinh lực. Cha tôi ghé xuống hôn tôi, trong khi đặt anh tôi lên đầu gối.

– Xe đạp của mình đâu? Hay lại hỏng?

Cha tôi giả quay nhìn ra ngoài, rồi đáp:

– Xe đạp còn đưa sửa lại bánh. Tôi nóng ruột nên về nhà, để hôm khác lấy.

Tại sao mẹ tôi lại yên lặng lại? Một tiếng thở dài kín đáo làm hơi rung bóng tối. Rồi có tiếng nói gần như khóc:

– Hay là mình...

– Không có gì lạ cả, tôi sửa xe, mai lấy về, có thể thôi. Sao mình lại hốt hoảng?

– Tôi ngỡ mình... mất xe. Mất xe, thì mình đi sao được? Mình yếu rồi mà.

Cha tôi đứng lên, quay ra rửa mặt, sau khi yên ủi vợ:

– Mình mới sinh nở, hãy tĩnh dưỡng cho khỏe, đừng buồn vợ vãn.

Trong chậu nước, cha tôi hụp mặt xuống. Mầu trắng gợn trên nước, như có ai lấy bông mát đắp vào đôi mắt đau. Nếu tôi biết nói lúc đó, thì tôi sẽ bảo mẹ tôi rằng tôi thấy hai vai của cha rung lên,

trong lúc khỏa nước lên mái tóc.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn đó, tôi lớn lên như thổi. Sức một đứa trẻ ăn lên, sữa người mẹ lo lắng nhiều không đủ cung cấp. Mẹ tôi phải dùng đến cái môn thiếu vệ sinh nhưng thực tế này: trún cơm cho tôi. Đó là một chất cháo quánh những nhựa nước miếng, nghiền tan ra bằng hàm răng, đẩy ắp trong miệng đến nổi trào cả ra hai bên mép. Đôi môi người mẹ mớm cho tôi món thực phẩm nhu nhuyễn đó, với cái phương tiện cổ bao nhiêu đời và đã đúc lên bao thế hệ con trẻ. Tôi há miệng ra đợi, mỗi lần chếp mép nuốt trôi miếng cơm đã nhào kỹ đó.

Cha tôi thấy tôi ăn khỏe thì có ý mừng lắm.

Nhưng có một điều cha tôi không lấy làm mừng, là việc bán chiếc xe đạp đi không còn dấu được mẹ tôi nữa. Mẹ tôi biết và mẹ tôi khóc, mỗi lần cha tôi lên đường đến trường huyện, cách đó những mười lăm cây số và phải khởi hành lúc chưa thấy rõ mặt người.

Anh tôi không được cưỡi xe đạp nữa. Mỗi lúc anh đòi lên xe, thì mẹ tôi nói buồn rười rượi:

– Xe đạp bố cho mượn đi rồi, để rồi bố mua một cái khác thật đẹp.

Hình bóng cái xe đạp mới, bánh nhỏ, chạy mau, vẫn thường lóe lên trong trí mẹ tôi, anh tôi và cha tôi. Con người thứ ba này mỗi lần bị tiếng chuông kêu ròn đỏi rạt ra bên bờ cỏ, lại nhớ đến cái xe mình, lại buồn tức, thất vọng. Nhưng trong nỗi quần quai vò xé, ít nhất, cái

sung sướng hy sinh cũng gây một phần nào thỏa mãn. Tội nghiệp, cho đến ngày mẹ tôi chết, anh tôi cũng chết, con người đó lẽ đẽo tha tôi đi trên đường đời, vẫn không có nổi một cái xe, dầu là xe cũ. Nhưng cả hai, chúng tôi sung sướng vì được nghèo thanh sạch, đói rách mà không ô danh, tiêu tụy nhưng vẫn vững chắc. Cha tôi lại là nhà văn, nhà văn biết nhìn thẳng vào số mạng, tin tưởng hào hứng ở ngay giá trị của mình.

Câu chuyện mua chiếc xe khác thay vào cái xe bán đi, chỉ là giấc mơ hờ hảo: nó đã không có nữa bao giờ.

Bởi vì cha tôi không còn được dạy học nữa, vì lý do sức khỏe và nhất là vì giáo khoa không thực tế. Đầu đề một bài toán cũng phải có vài chữ mắc vào thời đại. Huống chi là một thiên giảng văn, một trang luận, những cái nó phải

chan chứa nguồn sống nhân sinh. Chỉ tội nghiệp cho cô Kiều, cho Nguyệt Nga, lạc lõng từ mấy thế kỷ xa lại, thốt nhiên được người ta phê bình, mổ xẻ. Nhưng công việc không phải hoàn toàn vô lý, bởi nó có soi sáng được phần nào những khía cạnh mờ昧. Thí dụ như bảo Kiều mắc bệnh ủy hoàng là quái gở, nhưng bảo Kiều là hiện thân của lớp người bị đẩy dụa thì khó ai dám phủ nhận.

Cha tôi trở lại căn nhà nhỏ với nỗi buồn nản không thể nói với ai, không cả với vợ con, bạn hữu. Mà than ôi, ngay đến bạn hữu, vợ con lại cũng có những tâm tình không nói lên được.

Phải, tôi đã là nguồn sống độc nhất cho cha tôi, trong một thời mà cái gì cũng như quay mặt đi, lãnh đạm. Cha tôi từng ôm lấy tôi mà bảo:

– Chỉ có mày là không xua đuổi bố thôi, vì mày còn... bé bỏng.

Lời nói nhỏ nhẹ đó, tôi còn nghe rung lên với bóng tối trong căn nhà phảng phất hơi hướng tang ma. Như hơi ẩm toát trên lần đá lạnh, cảm giác đau thương gờn gợn trên niềm tê tái của tâm tình.

Cha tôi lại xoa đầu tôi mà nói tiếp:

– Bố sẽ nuôi mày cho bằng được. Bố nhất định rồi.

Trông cha tôi lúc đó dữ dội lạ. Đau khổ vẫn nhiều khi gây được một nghị lực để đi đến thành công.

Gia đình bốn miệng ăn của chúng tôi phải xoay cách sống. Mẹ tôi đã mạnh lại, và bắt đầu tính đến chuyện bán cất bánh ngọt cho các cửa hàng. Cha tôi dọn

một hàng sách nhỏ, có bao nhiêu truyện cũ đều moi ra bày cho đẹp cửa hiệu. Nhà chúng tôi ở ngay bờ con sông đào nhỏ cuốn nước từ rừng về, ban phát cho mấy chục cây số ruộng đất. Đó là đường thủy tiện nhất cho những chuyện buôn bán, trao đổi giữa rừng rú với bình nguyên. Cuộc sinh kế cũng tạm ổn, nhờ ở sự chất chiu từng đồng. Nhiều người khách hàng đã ghé lại nhà tôi, và ngồi rất lâu dưới bóng mát cây đại thụ. Những người đó có vẻ từ xa đến, nét mặt trầm trầm. Cha tôi nói chuyện với họ rất lâu, và đôi khi câu chuyện đậm đà vào sâu trong hương trà với Trịnh Vạn. Mẹ tôi cũng thích nghe những buổi hàn huyên như vậy. Nó phơi phới trong một thứ gió từ xa về, từ Hà Nội, “đất cấm” đối với những con người còn ở xa quá chưa thể tính được chuyện lại thăm.

Đôi khi, có những bộ mặt khác lạ đến, đột ngột như một bông hoa nhỏ lạc vào cánh đồng cỏ gianh. Hương thơm quen quen thoảng lại, nhưng thảo hoa kia đã lạ mắt mất rồi.

Một lần tôi đương nằm trên võng mắc ở ngoài hiên, nhìn cha tôi bán sách, thì có bóng một chiếc nón bài thơ ghé lại. Tôi thấy nét mặt cha tôi khác đi. Người con gái sà vào hàng như cơn gió bất định kia cũng chợt bối rối. Bốn năm cách biệt rưng rưng trong hai cặp mắt nhìn nhau. Chiếc võng tự nhiên đưa đi, đưa lại. Người thiếu nữ đó nhìn tôi, tay đưa võng đều để che ngượng. Tôi ngạc nhiên thấy cuộc gặp gỡ kia lại là cuộc gặp gỡ không lời. Bóng áo trắng dài in động lên nền sông biếc, và loáng thoáng ánh nắng lọt xuống từ giàn lá nổi vào mái tranh. Lúc đó đúng vào trưa. Chuông giáo đường từ

xa đưa lại. Tiếng nước rào rạt trước nhà. Giữa lúc người mua phân vân không biết nên nói hay nên cất bước, và người bán cũng không dám lên tiếng vì sợ kinh động một kỷ niệm thiêng liêng, bỗng mẹ tôi bước ra, rộn ràng tiếng guốc.

Không đợi mẹ tôi hỏi, cô thiếu nữ cất tiếng nói rồi quay đi:

– Sách cũ chẳng có gì lạ, nhưng ông bà sống ở đây thật nên thơ.

Rồi hết. Cuộc kỳ ngộ đó lâu không quá mấy phút, chấm dứt thình lình như gió qua sông. Người đó là ai? Tôi không hiểu. Cha tôi cũng không một lần nào nhắc lại, và mẹ tôi cũng không ngờ. Nhưng mỗi lần có một bóng trắng nào qua sông, cha tôi đều nhìn chăm chăm và cắn đôi môi, tư lự.

Gió vuốt đều đều ngày tháng trên
giàn thiên lý trước hiên.

Bóng áo trắng tình cờ hiện ngày nào
đã mất hút, như đã mất hút niềm hy vọng
trở về.

Trong căn nhà tranh, chỉ có anh tôi
và tôi là vui nhất. Ngày nào chúng tôi
cũng được ăn bánh ngọt. Đôi vùng trán
ngây thơ không hề gợn một mảy may
buồn bã. Bao nhiêu buổi sáng đã đến
đón chúng tôi trước nhà, trong vùng lá
biếc, nghe chúng tôi cười, nhìn chúng
tôi đùa rớn. Bức tranh hồn hậu đó, thăm
thiết như thiên nhiên, tương phản lại sự
sống khe khắt, điên dại, hừng hực xung
quanh.

Nhưng rồi một ngày kia, bóng một
đám mây đen cũng lại. Dòng sông trước
nhà không còn đẹp nữa. Buổi sáng chỉ

còn thấy có mình tôi cười: anh tôi đã chết. Thật là vô lý. Vô lý ngay cả đến câu nói của cha tôi, khi người ôm tôi vào lòng đến nghệt thở:

– Bố tức với thằng anh con quá. Nó bỏ bố đi một mạch.

Ai đã không may có một đứa con độ hai, ba tuổi chết, mới cảm thấy tất cả cái vô lý của cuộc đời, gọi tên là số mạng. Những bước đi lằng chằng cứ nổi rõ mãi trong đầu óc người làm cha mẹ, và tiếng cười, điệu nói, ta chỉ muốn được nghe cho trọn khúc mà không thể nào nghe được. Buổi bình minh bị tắt một cách vô lý kia cho ta cái hận tiếc vô cùng trong một bất công vô tận. Rồi mãi mãi, ta nghe trên đường đời cũng tiếng cười, nói ngày trước ở đâu đây, văng vẳng trên môi trẻ thơ khác, vẫn thấy những dáng điệu chập chững lặp lại, ám ảnh một

cách nặng nề. Và ta thấy cái ly tình kia không thể nguôi bằng một xum họp nào khác, làm mờ hết những tang tóc ta đã trải qua.

Từ ngày anh tôi chết, cha tôi hay đứng nhìn ra chân trời, những buổi chiều chập choạng. Lòng người rét lên trong một thứ gió vắng tanh hút lại, giống như một chán nản làm bại hoại cuộc đời, làm tê cơ thể. Cái nhìn đăm đăm đó không giống như niềm đợi chờ đến hóa đá của người mẹ vọng phu, vì ít nhất người mẹ này cũng được hóa đá! Đẳng này là một thất vọng không rên lên được, chìm giữa cuộc đời, ngạt trong cô quạnh, rờn rợn trước nỗi trắng toát, mông lung. Cha tôi vẫn thấy một bàn tay nhỏ, lão đảo vịn lên những nắm mộ, chập chững đi lại phía người như cầu xin một sức dìu dắt.

Người ôm lấy mặt, nắm ngón tay gầy như muốn luồn vào lớp thịt sạm nắng, rồi ôm chầm lấy tôi. Tôi kêu lên, thất thanh, trước sức vô vập hung dữ đó, nhưng rồi tôi lại cười, tôi hí hửng.

Tôi còn nhớ rõ hôm đó cha tôi lên chợ mua ít hàng. Cuộc đi như vậy rất thường, chỉ đến tối là cha tôi trở lại. Trước lúc đi, cha tôi cười nụng với chúng tôi, dặn mẹ tôi những điều đã trăm ngàn lần nhắc lại.

Không đầy mười hai tiếng đồng hồ, thế mà số mạng đã xoay hẳn bộ mặt. Anh tôi đương nằm bỗng nhiên kêu thét lên, mắt trợn lên, rồi ú ớ. Mẹ tôi đương làm bánh, vội vàng chạy lại ôm riết lấy con. Tôi, tôi vẫn nằm ở vũng, đập chân nhìn ánh nắng trên giàn hoa. Tiếng mẹ tôi kêu thét lên:

– Bé! Bé! Tỉnh lại con. Đừng bỏ mẹ tội nghiệp.

Mắt anh tôi lơ lơ đi, nhìn trừng trừng vào mẹ. Cái nhìn đó lạnh lùng quá, và thật không phải nhìn của đứa trẻ con. Mẹ tôi lấy dầu đổ vào miệng anh, nhưng vô ích. Hàm răng anh tôi đã bắt đầu cứng lại, chỉ còn cuống họng nuốt khó nhọc cái chất dầu hăng và nóng kia. Cuống lên, mẹ tôi lay anh, thét vào tai:

– Con đợi bố về nhé!

Đột nhiên, anh tôi gật đầu rồi nhắm mắt lại. Còn bao nhiêu lo lắng, mẹ tôi gửi cả ở tiếng trống ngực yếu ớt của con. Mẹ tôi nhờ một người hàng xóm đi mời ông thầy thuốc gần đó. Nhưng thầy thuốc chỉ đến rồi để quay về, ông bảo:

– Thằng nhỏ cảm nhập lý, mà tôi chỉ có ký ninh thôi. Hàng thuốc thì xa, mà chắc đâu đã có. Đành cứ chích một phát vậy.

Anh tôi được tiêm một ống thuốc hồi sinh, một phát ký ninh, rồi nằm đợi. Mẹ tôi cuống lên, ôm lấy con, hôn lên khắp người, nắn khắp mình mẩy. Đứa nhỏ không biết đau nữa. Cơn sốt cuối cùng bốc lên. Tôi chợt nghe tiếng người lăn ra đất, tiếng khóc cất lên theo: Anh tôi đã chết.

Nắng trên giàn thiên lý vẫn óng muốt những đường tơ vàng. Tôi ngẩn ngơ nghe tiếng mẹ tôi khóc.

Tiếp đó, tôi thấy mẹ chạy lại ôm lấy tôi, bế sang hàng xóm. Tại đây, tôi được một bà già đưa giúp vông, trầm trầm hát một đoạn ru em gì tôi nghe không

giống bài ru của mẹ. Thế là từ phút đó, tôi không được ngắm nắng trước nhà nữa và tôi không còn được đùa với anh tôi nữa. Có nhiều lúc, sau này, cũng nằm trên võng, tôi có ý chờ một thằng nhỏ lớn hơn tôi ít nhiều lại kêu “Bé! Bé!”, mà không còn được nữa.

Hai tuổi ngây thơ vĩnh biệt nhau một cách nhẹ nhàng lạ. Nó vô tình như nắng cứ đẹp trên giàn hoa, và chim cứ kêu trong lá biếc.

Đến mãi chiều tối, cha tôi mới trở lại. Người lại cũng vẫn vô tình như tôi vậy, vô tình bước vào hè nhà, dừng lại trước cửa. Cửa khác mọi ngày đã đóng chặt lại. Có tiếng tay gõ cửa, và tiếng khóc bên trong đưa ra. Rồi cánh cửa vùng mở ra. Ánh đèn vàng hắt lên một bóng người đứng sững, mỗi tay cầm một gói bánh định sẽ chia cho hai con.

Sao lại hai con?

Mẹ tôi cúi mặt xuống. Ở đầu giường ngọn đèn con vàng vọt nháy mắt, chiếu lên một pho thân thể nhỏ, hai tay chắp lên bụng, hai ngón cái chằng lại nhau bằng một miếng vải trắng.

Cha tôi lừ lừ bước lại. Khi bàn tay của người chạm lên mình anh tôi, bỗng người gục xuống. Năm đó anh tôi lên ba tuổi, đứa bé con khôi ngô và đẹp nhất những đứa trẻ tôi đã gặp. Cha tôi nhìn đầu anh, nhìn vào mắt khép chặt của anh, rồi lần dò khắp cơ thể. Người không hiểu, không thể nào hiểu được rằng không đầy mười hai tiếng đồng hồ, một hy vọng tốt tươi chợt héo rụng. Tôi lấy làm lạ rằng tại sao cha tôi không khóc, người mà một xúc động tâm thường hàng ngày cũng làm buồn bã. Vậy mà con người đó không khóc được. Hay là nước mắt có nhiều lúc

chạy ngược vào quả tim, và cảm tình vẫn có nhiều khi chết điếng?

Một con muỗi bay đậu xuống má người chết. Cha tôi cầm cái quạt gân đó, phe phẩy cho anh. Cử chỉ vô tình và vô lý đó biểu lộ một ân cần như khi đứa con còn sống, vì đứa con đó sống mãi trong lòng người.

Mẹ tôi đứng nép gần tôi, ngạc nhiên nhìn đôi mắt của chồng lờ lờ mà không dữ dội, ráo hoảnh nước mắt và cũng ráo hoảnh những tình cảm thông thường. Cái nhìn đó lạnh quá. Nó hòa hợp với mầu bóng chết, với cảnh vắng ngắt xung quanh.

Đột nhiên, cha tôi lấy tay đo người anh, từ đầu xuống chân. Ngày thường cha tôi vẫn đo cho anh như vậy, nhưng là đánh dấu bút chì gạch từ chỏm đầu,

lên bức tường. Lần đầu tiên, cha tôi nắm bắt:

– Ô! Thế mà được những năm gang tay.

Mẹ tôi không nén được nữa, chạy lại ôm lấy cha tôi:

– Thôi mình đừng làm như thế! Mình để yên cho nó nằm.

Tôi còn nhớ, cha tôi ngồi lại trên chiếc ghế gần đó, mắt đăm đăm nhìn ngọn đèn. Rồi bỗng người bảo:

– Cứ để nó nằm ở đó với ta. Đừng khai báo gì cả.

Những lời nói mơ hồ đó cũng chấp chờn như ngọn đèn yếu đuối.

Lòng thương run lên, quặn quai, nhưng không thốt được nên câu. Tự

nhiên, cha tôi với tay sang đưa võng cho tôi, đưa mà vẫn không biết, như nỗi buồn cần phải có chỗ dựa, hốt hoảng, lan man.

Mẹ tôi không dám khóc nữa vì sợ kinh động trong nhà.

Đêm hôm đó, trong căn nhà tranh, có hai người thức, một người ngủ và một người nhất định ngủ luôn.

Tiếng chày giã gạo trong làng nện rõ ràng trên mấy canh trắng.

Hàng cau đứng lặng trong bóng tối và mặt trăng hạ tuần soi mờ mờ một quang cảnh bán sơn lâm.

Mẹ tôi ngồi dựa bên cạnh tôi để nghỉ sức. Riêng cha tôi vẫn ngồi, bóng im không động trên bức vách có hình bóng lá chiếu động từ ngoài sân. Giá có ai bên ngoài ghé mắt nhìn qua khe cửa

vào trong, thì cũng chỉ tưởng đấy là cảnh những người lớn ngồi trông cho trẻ ngủ.

Sáng rõ lúc nào không biết. Cha tôi thần thờ đứng dậy, nói như nói với mình:

– Để đi mua cho nó một cỗ ván!

Cha tôi nói đến hai tiếng “cỗ ván” với một giọng bình tĩnh lạ lùng. Mẹ tôi đứng dậy, rút từ hầu bao ra, tấm giấy bạc trăm bán chiếc xe hôm nào chưa tiêu đến đưa cho cha tôi. Nhưng cha tôi lắc đầu không cầm, trả lời đã có. Rồi người uể oải đi, dáng điệu thờ thần như chưa định việc gì cả. Một giờ, rồi hai giờ, người cha đó mãi không thấy trở lại. Mẹ tôi lo lắng nhìn xuống làn nước sông trước nhà, nghi ngờ một thảm kịch nào xảy đến. Mãi sau, mặt trời lên cao, mẹ tôi ru tôi ngủ, rồi vội vàng chạy đi kiểm chồng, bỏ

mặc tôi lại với thằng anh đã thôi không gọi tôi là “Bé! Bé!” nữa.

Quả nhiên, mẹ tôi “lượm” được cha tôi ngồi ở sau bụi cây, bên dòng sông đào, tóc xõa xuống, và đầu gục lên gối. Người ngồi như vậy lâu lắm, tâm sự gửi vào tiếng nước chảy xuôi, như ta ôm một quá khứ chua xót. Mẹ tôi hốt hoảng chạy lại lay vai chồng, giọng nói như hét:

– Mình về với con, tội nghiệp nó.

Cha tôi thảng thốt nhìn lên, đôi mắt sâu trũng. Cái ánh nhìn đó đại khờ và le lói, đúng không còn là đôi mắt thông thường. Bỗng người cười lên sảng sặc, giọng cười gợn trên làn nước mầu rêu đục, vang vào những bụi gai gần đấy. Đương cười, người bỗng lại nín bật. Trạng thái hỗn loạn đó không tả nổi tình huống một cơn đau bóp lấy họng.

Sau cùng, cha tôi thất thủ đi ra phố, đến một nhà bán áo quan. Người lấy tay đo lên cổ ván, như lặp lại cách đo ban nãy ở nhà rồi trả tiền, vác áo quan về, theo sau là mẹ tôi.

Trên bờ sông xanh, sáng hôm đó, có một người đàn bà trẻ tuổi, yếu đuối đi bên chồng, nhìn theo cổ áo quan lấp loáng ánh nắng, tưởng tượng một chốc nữa, một hình hài nhỏ bé được gói ghém đặt vào trong.

Tôi vẫn nằm ngủ vì đã ăn no, bên cạnh người anh mà tôi không ngờ rằng đã chết. Tôi có chợt thức dậy cũng chỉ là để ngắm một cảnh hai người lớn nâng niu một xác bé nhỏ, liệm vào quan tài, như cách tôi vẫn nhìn bóng nắng rung rinh trên giàn thiên lý.

Chiếc áo quan đặt giữa nhà, song song bên cái xác của đứa con xấu số. Và cũng bàn tay người cha đã đỡ con khỏi lòng mẹ, bàn tay đâm đũa những máu bám vào thai, bàn tay đó đương giấu con vào một thế giới khác.

Công việc tàn nhẫn, ghê gớm đó được làm với không một lời nói.

Cha tôi nắn chân tay cho anh tôi lần cuối cùng, mắt lừ đừ nhìn như hút lấy những vẻ thân mật, như kiểu thôi miên một tư tưởng, rồi bất giác người cúi xuống hôn lên đôi má tái nhợt. Cha tôi hôn như vậy lâu lắm, hôn thiết tha, đắm đuối, đau đớn, mê man, như muốn trút cái nóng của mình vào cái lạnh của thi thể yếu đuối. Rồi cái hôn bò lên tóc, lên tai, lên môi, lên cổ, cái hôn đi lần xuống khắp người, và ngừng lại ở hạt giống bé nhỏ. Nhưng vẫn không một lời nói cất

lên giữa cái mê đắm kỳ dị, man rợ đó, ngoài tiếng thở rít lên, hít vào khoan khoái. Lần cuối cùng, người cha “ăn” con bằng những cái hít rùng rợn, cũng như ngày trước, chính con người đó, đã đòi lúc muốn “quay rô-ti” con lên.

Mẹ tôi gửi theo anh tất cả những gì anh dùng hồi còn sống: con búp bê đất mất đầu, hai đôi tất bằng vải, cái kèn tu huýt, đôi dép cao su mòn đế, và hai bộ quần áo đã sờn rách. Cứ mỗi di vật gửi con, người mẹ đó lại ngất đi, gục xuống. Gia tài của anh chỉ có vậy, những thứ nhẹ nhàng như anh, ba tuổi như anh, đã từng bầu bạn với anh trong cảnh nghèo nàn, hồn hậu.

Anh tôi đã nằm ngủ trong cỗ ván, nhưng nắp chưa đậy lại. Cha tôi nhìn lên trời và nói:

– Còn lâu mới tối, ta giữ nó lại chút nữa đã. Mẹ tôi nhìn anh, nghiêng răng lại, thét lên:

– “Nhuệ! Nhuệ! Con bỏ mẹ à?”

Nhuệ là tên anh. Tiếng gọi đó lạnh lẽo, rùng rợn, tiếng gọi có ma lực ghê gớm, gói tròn cả một tình thương sâu nặng, ném xuống đứa con yêu. Nó rút ra từ lòng ruột, bật lên khỏi máu, sức nén lại đã không thể giữ được. “Nhuệ! Nhuệ!”. Tôi nghe mãi tiếng kêu đó như mới hôm qua, như vừa ban nãy, còn ướt nguyên nước mắt, còn nóng hổi đau thương. Người mẹ hằng ngày gọi con, khi con còn sống, gọi bằng tình yêu, nhưng chỉ mãi đến lúc vĩnh biệt đó thôi, mới tạc hết máu mình lên cái tên nhỏ bé.

Cái thi thể bé nhỏ nằm lọt hẳn trong cổ ván mỏng, giống hệt như người ta

nằm ở chiếc giường có bốn thành cao.

Xế chiều, cha tôi đóng nắp áo quan lại. Tiếng búa nện lên mấy con cá, xoay lên lần ván mỏng. Và khi cha tôi vác cỗ quan tài lên vai, đem đi, mẹ tôi bỗng chồm lên giữ lại. Cỗ ván nặng, lão đảo trên đôi vai yếu, cha tôi mất thăng bằng, lúi lại dựa lên bức tường gần đó. Mặt cha tôi đầm mồ hôi, đôi mắt ngầu đỏ. Nhưng không phải là cha tôi giận. Người không biết gì hết nữa, loạng choạng thì phải vúi lấy chỗ dựa, quên cả thấy mẹ tôi quỳ gần đó, ngáng lối áo quan ra. Vai cha tôi rung lên, dáng người khó nhọc thiếu nảo. Đột nhiên, cha tôi lao mình ra phía trước, cả cỗ ván với người băng qua khung cửa. Và cứ thế, người lão đảo đưa con ra đồng, không muốn biết rằng mẹ tôi đã nằm ngất lịm.

Tự nhiên, đương mê ngủ, tôi thấy có ai bế xốc tôi lên, ôm vào ngực, chạy ra ngoài. Chúng tôi đuổi theo anh qua một cánh đồng heo hút. Trước mặt, trong bóng chiều vàng, cha tôi vẫn nặng nề vác cổ ván, theo sau là một người cầm cuốc và ít nhang, nến. Như biết chúng tôi đuổi theo, cha tôi vùng rảo bước, có vẻ không muốn ai bắt kịp mình. Cái quang cảnh đó thật kỳ dị, một thiếu phụ ôm con chạy theo người chồng khư khư vác cổ ván như ta vác một bảo vật vừa lấy trộm được ở đâu đây.

Tôi nghe gió đánh vùn vụt bên tai.

Tiếng khóc của mẹ tôi vương vào gió, tản mạn về xa. Rồi người cũng theo kịp cổ ván.

Cha tôi lúi húi đào. Tiếng cuốc găm vào đất nghe nặng như tiếng bàn tay

đắm vào lồng ngực. Mẹ tôi ôm tôi vào lòng, mắt nhìn trân trân cái khoảng đất dần dần sâu xuống, đen thêm ra, nắng chiều loáng ở khắp nơi, riêng chùa không xuống đó.

Khi huyết đào đã sâu quá bụng, cha tôi ngừng lại, nhìn cổ áo quan, rồi cùng với người thuê, hạ xuống...

Cổ ván màu vàng tâm lút xuống dần trong bóng tối hố đất, như con thuyền nhỏ ngụp thông thả dưới huyết nước. Cái tinh anh ba tuổi mà mẹ tôi gọi là “bông hoa tươi tốt” đã nằm im dưới lớp đất.

Tôi nghĩ rằng anh tôi sẽ không thể nào ra khỏi được nơi đó, bởi vì đất dày quá, và tiếng kêu khóc chắc chẳng được cái tai nào nghe thấu đâu. Thế là anh không còn được vùi nũng nịu, tôi không

bao giờ còn được trông thấy anh đưa tay bắt bóng lá trên nôi, hoặc nhìn tôi mà kêu “Bé! Bé!”. Sau này lớn lên, tôi hay nhìn lên ảnh anh mà bảo rằng đó là tôi ngày nhỏ. Mẹ tôi gạt đầu không nói, lặng lẽ truyền nỗi hoài niệm vô vọng từ tấm hình nhỏ sang tôi.

Năm mộ cao lù lên, như có ai lấy đầu đùn từ dưới. Cha tôi vất cuốc sang bên cạnh, ngồi xuống bên mộ con. Vai áo vốn bỏ sẵn, bị gỗ ván sát vào, đã tung làm mấy mảnh.

Tôi ngạc nhiên làm sao, thấy cha tôi ôm mặt khóc. Mãi đến lúc đó, người mới thật biết đã mất hẳn đứa con, mất hẳn. Như một người từng hững như bị ai lấy đi một vật quý, cha tôi thảng thốt trước sự ly biệt rõ ràng.

Cụm nhang cắm trên mộ gửi thẳng về phía xa một đường khói lạnh lẽo. Mấy khóm hoa mua run rẩy dưới gió chiều, phát phơ màu nắng vàng vọt.

Mẹ tôi một tay ẵm tôi, một tay lôi chồng đứng lên. Cha tôi uể oải cất bước. Bỗng cả thân hình người mất đà, lạng về phía trước, kéo theo những bước đi xiêu vẹo. Cha tôi cứ tưởng trên vai còn nguyên cổ ván, cứ tưởng mối tình cay chua vẫn gieo nặng lên xác thịt mình.

Chúng tôi lần bước qua cánh đồng chiều có những tiếng thăm thì của bóng tối, như qua một thời đại mà tất cả đều đen xạm, mịt mờ.

Bóng anh tôi vẫn đi lại trong căn nhà mãi. Nó lần quất vào giữa chúng tôi, với những bước đi mới tập, với giọng nói còn lằng chằng. Mỗi lần, bóng anh “bò”

vào tâm tưởng chúng tôi, thì cha tôi hay bỏ đi ra một nơi vắng và mẹ tôi nghiêng mặt xuống với tôi. Lâu lắm, hàng tháng trời, hai người đó không “nỡ” nhìn nhau trong cùng một thông cảm.

Những lúc nắng từng bùng reo ngoài nội, những hôm trời ử dột khóc trên mái tranh, chúng tôi đều nghĩ đến một đứa bé con nằm im trong lòng đất. Và giữa nhiều đêm vắng lặng, cha tôi chợt tỉnh dậy, hoảng hốt nhìn ra ngoài, rồi âm thầm ngồi đợi.

Ngọn đèn con vẫn soi mờ bốn bức vách.

Bóng người đàn ông trầm tư trong đêm sâu, ngồi đó như pho tượng. Không nói. Không than. Không cử động. Giống như tấm lá rụng xuống khe rừng, không trả lại một tiếng vang nào hết. Và giống

như cái buồn mất đáy, thăm thăm, hoang liêu, trong đó chỉ loăng ra một thứ hiu hiu vô tận..

Mẹ tôi không bao giờ nhắc đến anh nữa. Mặt người lạnh lùng, nghiêm nghị, nhưng tôi biết rằng đôi môi kia luôn luôn vẽ mờ một hình ảnh qua tên gọi.

Một mình tôi được hưởng thụ tất cả những trù mẫn lẫn nghi nan của hai tấm lòng đau khổ. Có lẽ tôi cười giống anh tôi quá, nên mỗi lúc như vậy, mẹ tôi vẫn hay nhìn lên bức hình của đứa con đã khuất.

Tới ngày đó, tôi vừa được bốn tháng, bú đã cạn lép hai bầu vú sữa, mẹ tôi khó khăn mới giữ được sữa còn. Hồi mới đẻ tôi, đầu vú người bị nứt, sưng và nhức nhối khó chịu. Thấy thuốc bảo đầu đau mấy cũng phải gắng chịu mà cho con bú,

nếu không thì tia sữa bị tắc. Thế là tôi vẫn được bú. Con háu đói nổi lên, tôi húc vào bầu sữa, rút chầm chậm món ăn cần thiết hàng giờ. Có lúc tôi nhai mạnh đầu vú. Ở chỗ thịt nứt, nước miếng tôi thấm vào, tia sữa bị rút lên, nghe buốt đến tận ruột mẹ. Và sữa tuôn ra với máu, chảy tràn ra hai mép tôi, chất ngọt dịu pha lẫn mùi vị tanh hăng làm cổ tôi nuốt vội. Mẹ tôi co người, nghiêng chặt răng lại, đôi mắt chớp chớp trong dòng lệ nóng hổi. Rồi mồ hôi nhỏ giọt trên trán người, trong khi tôi dần dần bỏ vú ra, chép miệng, thỏa mãn. Những buổi cho ăn như vậy tàn phá sức chịu đựng yếu ớt của mẹ tôi, đến nỗi, mỗi lần tôi rầy rụa đòi ăn, đầu vú mẹ tôi rợn lên, trong cái cảm tưởng rằng dây thần kinh sắp bị co lại, và cái buốt đương khởi đầu trong từng thớ thịt run run.

Máu cú ứa, sữa cú bật ra, cả một nguồn sống huyết lệ mẹ tôi cấp cho tôi, để tôi đi vào đời với những con người ít khi nghĩ rằng nhân loại là một tác phẩm nhẹ mỏng như pha lê cần phải nương nui từng cử động nhỏ. Giá những người nhắm mắt xô đẩy cả nguồn hy vọng loài người xuống hố đen thỏa thích, cũng được trời ban cho đôi bầu vú nứt cổ gà như vậy, thì chắc là đại họa được tránh đi, hòa bình phải được tôn trọng. Than ôi, chỉ vì quyền sinh sát lại ở những con người không được đẻ, không biết đẻ là gì, lấy lý trí để án ngữ cảm tình, và mỉm cười cho rằng sống ở đời nhiều khi phải tàn nhẫn.

Tôi cứ nghĩ rằng nhân loại gồm những thành phần điên quá lắm. Trên quả đất nhân sinh chưa cần nói đến một giải pháp nào cả, mấy ngàn năm nay

cuộc tuần hoàn của vũ trụ vẫn tiến đều. Sao cứ phải lấy máu để dựng một sự nghiệp, lịch sử cổ kim chưa bao giờ thấy nói đến giòng máu ác đổ ra mà làm nên chuyện được. Nước Trung Hoa không sống vì Vạn lý trường thành mà sống vì Khổng Tử? Cũng vậy, dân tộc Pháp được nhắc đến thiên thu, bởi vì nền văn hóa tinh anh, mà không phải vì Nã Phá Luân hiếu thắng.

Phải, quả đất này là cái nhà lớn, nơi những tấm lòng biết thương xót gần gũi nhau. Đó là quê hương của những người mẹ rút ruột, những đứa bé ngây thơ, những bàn tay trong sạch xây dựng, mà cái đau đớn cũng hiền lành như niềm hy vọng. Ngày mai, quả đất sẽ thơm vì những nguồn sống đó, nguồn sống đã bị dập vùi, đọa lạc, thiếu khí giới để hộ thân nhưng tiếng kêu là cả một sức mạnh.

Cái biên giới mà lòng thương nhau chân thành sẽ đi qua, không phải đắp bằng những công trạng chém giết, mà là có những vọng lâu do lòng trắc ẩn kiến trúc để đứng lại muôn đời. Cuộc sống thật đó hôm nay chưa có, thì mai có, thì ngày kia có, miễn là vẫn có những dòng máu trắng nuôi con, vẫn có những chân tình bền bỉ.

Từ ngày anh tôi chết, lòng thương của cha tôi đối với tôi thay đổi hẳn. Đó là một niềm thương mà chua cay với hồ nghi lẫn lộn, một thứ thương yêu hoảng hốt, lúc nào cũng cần có bàn tay nương dắt, và đôi mắt đặt vào. Mười hai tiếng đồng hồ xảy ra trong tấm tình phụ tử vĩnh biệt là một kinh nghiệm tai ác nó giục, nó đốt lòng yêu đó cho lúc nào cũng bùng dậy, thiết tha. Sau này, cha tôi đã bỏ tất cả để nuôi lấy tôi, cốt cho

tôi sống. Một cuộc chiến đấu lặng lẽ của con người vô danh xảy ra giữa vô tình của thế sự. Tôi nhận được một bài học khắc cốt: không có tận tình thì không có thành đạt. Người ta không thể gọi là yêu, nếu chỉ yêu như người con trai yêu người con gái đẹp. Mỗi người ở đời phải làm trọn một tình cảm như người nghệ sĩ sống trọn đời mình, dầu là đời cơ cực, nhưng mấy ai đã làm nổi. Để che đậy lỗ hổng ở nhiệm vụ, thường thường người ta ưa khoa trương công việc chỉ mới ở trong dự định.

Một hôm mẹ tôi cho tôi bú như lệ thường, nhưng miệng tôi mớm nút lấy đầu vú, mà sữa thì hầu như khô cạn hẳn. Mẹ tôi lấy tay nặn, rồi bóp. Tôi khóc thét lên. Mũi tôi gần hơi mình mẹ, bắt dậy nỗi thèm khát cào cấu tôi. Mẹ tôi nặn vú một lúc nữa, rồi thở dài, khép áo lại.

Mấy sợi tóc khô của người bay trên vầng trán tư lự. Chân tay mẹ tôi đã nhỏ và gầy lắm. Cái ngày biết mình hết sữa, người mẹ đó mới nhận thấy phủ tạng của mình đã kiệt hết. Trong niềm đau thương đưa đẩy một sức sống mỏng mảnh, người mẹ đặt con xuống giường, im lặng. Nỗi thất vọng đó ngao ngán như khi biết con mình đã chết thật, và giờ đây là lúc mình đương sắp chết giữa cuộc đời.

Cha tôi lại đã xin đi dạy học. Lần này dạy học xa hơn ngày trước, vì một trường trung học miền duyên hải đương túng giáo sư. Từ nhà tôi đến đó gần năm chục cây số, đi miết từ tảng sáng thì tối mịt mới đến nơi. Bởi vậy, cứ nửa tháng, cha tôi mới cuốc bộ về nhà được một lần, rồi lại tất tưởi đi.

Mẹ tôi dần dần yếu. Tôi bú mãi mới ra được chút sữa mỗi lần. Nhưng cũng

may, tôi đã biết ăn xam vào cơm và cháo, nên sức khoẻ không đến nỗi nào. Mỗi tháng cha tôi lĩnh được bốn mươi cân gạo, do học trò hàng tháng góp lại. Cứ số lương bằng gạo đó, người bán đi, dặt tiền vào hấu bao, đem về cho mẹ con tôi chi dùng. Cha tôi lại tính đến một cách tận tiện nữa, là ngồi dạy học tư thêm ở một nhà hào phú. Hai bên trao đổi cho nhau rất gọn:

– Nhà giáo bán chữ, nhà chủ nuôi cơm. Cơ ngũ như vậy cũng tạm yên.

Cha tôi không bao giờ dám hy vọng một chiếc xe đạp khác nữa. Nhiều chiếc xe đạp khác đã lướt qua người cha tôi, gọi cái thềm cần thiết phải được gạt xa lập tức.

Cứ chiều thứ bảy vào quãng giữa tháng, mẹ tôi bế tôi ra cầu đầu làng đón

chồng. Mỗi lần thấy bóng cha tôi lững thững đi từ xa lại, tôi thấy rèm mi mẹ tôi chớp chớp rồi người mím miệng ngăn một câu gì. Cha tôi trông thấy chúng tôi cũng bước vội đến. Rồi hai bàn tay run run nắm lấy nhau, cha tôi đưa đầu gần lại cho tôi nghịch mái tóc đã thoáng điểm bạc. Thường thường chúng tôi ghé vào cái quán nước gần đó, dưới bóng một cây đa lớn.

Bà lão bán hàng hỏi mẹ tôi:

– Ông bà được mấy cháu kháu khỉnh như thế này?

Mẹ tôi chưa kịp trả lời thì cha tôi đáp vội:

– Cảm ơn cụ, cháu đây là thứ hai.

Cha tôi rửa vợ đứng dậy, trả tiền nước, rồi trở về. Bóng chúng tôi in lên dòng

sông mát, đáng lẽ bốn mà nay chỉ còn ba. Nhưng không ai dám cúi xuống đếm bóng cả. Sống là quên.

Thì giờ của cha tôi nghỉ ở nhà rất ngắn ngủi. Thường thường, người phải đi tù canh ba, cho kịp dạy lớp buổi chiều. Nhất là những khi tôi ốm, thì cuộc lên đường kia càng bị gian nan hơn. Nếu cứ cái đà ấy mà sống, thì con người phải đến chết mòn đi.

Người chết mòn trông thấy là mẹ tôi. Mẹ tôi héo hắt lại, và mỗi lần về thăm nhà, cha tôi phải một vài phút sững sốt trước dung nhan tiều tụy của vợ. Con mắt dần thâm trũng xuống, đôi gò má nhô lên. Đôi bàn tay, mỗi lần làm việc, run lên như khi ta lo sợ. Một nỗi chua xót ngấm lan trong lòng cha tôi. Cảnh đoàn tụ mất đi trong căn nhà tranh, vì sinh kế ở thời chiến tranh càng ngày càng vất vả. Tôi

nhớ mãi những dáng điệu của mẹ tôi: một khổ người nhỏ nhắn, ít nói, ít cười. Cho nên những lúc mẹ tôi có chuyện lo nghĩ, nỗi buồn lắng xuống ở cử chỉ thâm kín.

Người đàn bà đó xuất thân từ một gia đình giàu có, cổ kính. Nhưng người đã từ bỏ tất cả những ý tưởng phong lưu kết cấu với các thiếu nữ khác, để vui lòng lấy cha tôi lúc đó mới và vẫn chỉ là một người nghèo. Cũng như tất cả mọi người con gái tỉnh lý, cuộc đời của mẹ tôi yên lặng theo một chiều, trong một khung cảnh tẻ ngắt. Phố xá chưa đi quá một giờ đã hết, bè bạn thân hầu như chỉ là những người trong họ. Trong một thứ phong vị ngoại ô, quê hương mẹ tôi trầm tịch như nỗi mong đợi e dè, nhút nhát. Có mơ xa quá chút nào, thì cô thiếu nữ tỉnh xép kia cũng chỉ dám nghĩ đến Hà

Nội, từ nơi này, vẫn bay đều hàng tuần về đây những tờ báo mà độc giả để ý đến cả từng dòng quảng cáo, lời rao vặt. Và ngoài câu chuyện làm ăn đều nhịp ra, những mái tóc buông lơis vẫn chụm nhau trên những dòng tiểu thuyết.

Ngày đó, câu chuyện chiến sự là một điều không ai có thể tưởng tượng nổi. Cuộc đời là một giấc mộng hiền hòa, trang điểm bằng tiểu thuyết bay bướm, với bối cảnh lúc nào cũng đẹp là anh và em yêu nhau, anh và em ly tán. Những cánh cửa phố mở ra để sáng nào hai dãy đường cũng thấy nhau trong ngần ấy dáng dấp.

Nhưng cũng trong cảnh bình tịch đó mà một thiếu nữ lại không muốn thân với ai. Lòng người gửi cả ở một trang báo nọ, từng tuần vẫn có một đoản thiên với một tên ký. Đoản thiên tiểu thuyết

đó không tả những cái hôn nhau, những niềm ly biệt cay đắng. Nó chỉ phác một thân thể cô độc, những cảm nghĩ của một nhà văn lang thang, không nơi nương tựa.

Mẹ tôi bỗng nhiên yêu những thiên truyện ngắn nọ. Người hồi hộp đợi từng thứ bảy một, khi con tàu chiều tuôn khói lên, nhả xuống sân ga một toán hành khách, với những hàng hóa trong số đó, mẹ tôi đoán có tờ báo thân quen. Đó là “bức thư dịu dàng” lần đầu tiên rơi vào ngày tháng của người, bức thư lạ lùng vì từ người gửi đến người nhận, không định một niềm riêng tây gì cả. Qua gần hai trăm cây số, nó làm xao động một tấm lòng trong trắng, như cơn gió heo may làm buồn những dòng mây thừa thốt.

Những hôm không thấy có tên ký quen biết trong báo, mẹ tôi thấy thiếu thốn, bâng khuâng. Tình cảm người như tùy thuộc ở dòng chữ xa lạ, giây vương vấn thăm đượm mà tình cờ.

Cuộc giao thiệp trầm lặng đó lâu đến hai năm. “Nhà văn” ở xa như không biết mệt mỏi, cũng như không biết rằng mình được “độc giả” yêu, vẫn tuần tự sáng tác. Sáng tác để sáng tác, chưa kịp, chưa dám nghĩ đến hy vọng nổi danh.

Câu văn đầu tiên gửi vào đời có những vẻ sượng sần, vụng dại. Nó chưa tròn lại, chín đi như một thủ đoạn đem ra đối phó, để rước cho mình những hãnh diện. Chính từ một tấm lòng ngây thơ đến một tấm lòng trong sạch, những dòng chữ nọ viết ra, không ngoài mục đích là... viết. Đẹp để thay, một công việc làm không vụ lợi, làm vì phải làm, như

lá gặp gió thì hát lên, như trăng rằm vào mùa phải sáng. Biết bao nhiêu nghệ sĩ, được tài liệu qua bao nhiêu cuộc đời, bao nhiêu trang sách, mà vẫn thèm tiếc nguồn cảm hứng sơ sinh. Sở dĩ những tài tử, anh hoa nếu có bất diệt, cũng là vì chỗ đó, vì chỗ đi qua cuộc sống vui rộn, lòng thản nhiên hết mọi phú quý, bình tĩnh trao tinh huyết của mình cho ngày tháng, rồi lại đi qua... Vậy, cơ cấu thành công của nghệ sĩ chính là sự vô tình, thẳng thắn. Nghệ thuật không thể lừa được ai, và cũng không có gì lừa được nghệ thuật. Những tà tâm, lợi dụng nhất thời làm nổi tiếng - hay đúng hơn làm xôn xao - sẽ chìm ngập, khi con người không còn có mặt để kêu rộn những ngụy thuyết của mình.

Cũng có khi tờ báo vắng tên ký đến mấy tuần liền. Mẹ tôi lại giở những bài cũ

ra xem, trong quầng vàng của ngọn đèn
tĩnh xếp, như trong nỗi闷 mộ kín đáo
của người. Mẹ tôi bắt đầu tưởng tượng
một chàng thanh niên giống mẹ tôi ở chỗ
cô độc, cũng đương ngồi nghe mưa như
đêm nay, như đêm nọ... Không biết mặt,
không hay tên, mà mẹ tôi vẫn thầm khẩn
cho con người kia một sự may mắn, tốt
lành... và trọn đời, không bao giờ mẹ tôi
nói với chồng những ước mong mơ hồ
và thầm kín đó, điều mà người giữ lấy
như một ngọc thể kết tinh, khi cuộc ái
ân hương lửa đã nhiều lúc cháy xém, đau
lòng vì cuộc đời, vì hoàn cảnh. Hỡi ôi,
dẫu là nhà văn như cha tôi, không khi
nào người biết đến tất cả ý nghĩa của câu
trời trăng sau hết từ miệng vợ:

– Em yêu anh từ ngày em biết thở,
cho đến lúc nhắm mắt lìa đời. Em không
có gì ân hận cả.

Mẹ tôi đã tinh hơn một tư tưởng nghệ thuật, đẹp hơn một bài thơ, quý hơn những cái gì đáng quý nhất. Vì sao mẹ tôi nghĩ được như vậy? Bởi vì người thành thật, đã chịu đau khổ, và biết hưởng tình yêu. Nhan sắc kia đã muốn là nguồn cảm vuốt ve nghệ thuật, làm bạn với nghệ sĩ, trái hẳn điều mà các nhan sắc khác ước mong: chọn chồng cho đời mình có chỗ nương tựa.

Mẹ tôi vào đời và tự giáo dục lấy. Người mất mẹ hồi còn nhỏ. Thiếu tình thương ruột thịt, người con gái mười hai tuổi đã sắp đặt cho đời mình những phương tiện sống cần thiết: không luôn lụy ai, không vay mượn ai, bằng lòng nhận lấy hoàn cảnh hiện tại.

Bốn tuần qua, một hôm, mẹ tôi đọc được tin “nhà văn” bị ốm. Tin kia đăng trong hộp thư để nhắn một người bạn.

Thế là lòng thương của người nữ độc giả nổi lên, không ngăn cản được. Người nhất định lên Hà Nội, tìm đến tận nhà báo để hỏi thăm... Nhưng chỉ mới nghĩ thế thôi, người thiếu nữ tỉnh xếp đã thấy mình quá táo bạo và công việc kia như là một trọng lỗi.

Mẹ tôi chép lại tâm trạng lúc ấy vào cuốn nhật ký mà cha tôi đốt đi hôm vợ lâm chung:

“Tại sao tôi lại thương xót anh như vậy, anh mà tôi chưa từng gặp mặt? Anh có xứng đáng như lòng tôi quý đến thế không? Tôi đã đọc anh và tôi đã hiểu. Cuộc đời đã có những đứa nhỏ bất hạnh như tôi, có thêm anh là để cho cảm tình có chỗ hòa nhịp. Tôi mới chỉ quý anh ở văn chương, ở ý nghĩ. Anh không viết những chuyện có gặp gỡ, có phân ly, có tình tiết gây căng, mà tôi cũng không

muốn anh viết như vậy. Truyện của anh là đời anh, đời tôi, đời những người đau khổ khác. Có nhiều nhà văn lại chơi nhà tôi và họ nói đến viết văn bằng cách đơm tả những khó khăn phiền phức quá. Họ nói đến nào là xây dựng, nào là bắt diệt, tiếng lớn che mất cả chân thành. Anh, tôi chưa quen bao giờ cả. Anh cũng chưa nói với tôi. Vậy mà tôi lắng nghe được quan niệm anh lúc viết.

Trong đơn giản, tôi cảm thấy được sự khó khăn và mỗi lúc tôi rung lòng, anh chắc cũng cảm động lắm”.

“Tôi quý anh vì vậy. Tôi quý anh hơn, vì anh có cái gì nhũn nhặn, thâm khuất. Chữ anh dùng vừa đủ để gợi cảm, rồi lẫn vào lòng người, như món ăn khiêm nhường của nơi chôn rau, cắt rốn. Tôi tưởng tượng lúc anh ngồi viết: nét mặt nhẹ nhàng, không kiêu hãnh, đọc đi đọc

lại bài mình. Rồi anh gửi đến nhà báo, hoặc có khi bỏ vào ô kéo, những văn phẩm không có một xao xuyến gì khác hơn là xao xuyến thành thật, có người bảo tôi rằng, anh nghèo lắm. Tôi không lấy làm sững sốt chút nào. Ở đời này mà thiên hạ dựa hạnh phúc lên bạc vàng, các thiếu nữ như tôi định giá hồi môn nhà chồng ở những nóc nhà lầu, cái nghèo kia, nếu có, là một vinh hạnh định rõ thái độ làm người. Hơn nữa, trước khi lâm chung, mẹ tôi có dặn tôi tha thiết: “Con chớ bao giờ lấy chồng giàu để mong sung sướng”. Tiền bạc, tôi đã thấy là bức màn gấm thắp thoáng che một hậu trường tăm tối, ở đó, nhân phẩm người con gái bị dập vùi đi, để bức màn kéo lại”.

“Cho nên đọc anh, tôi được gặp một cơn gió tâm tưởng đến từ một tấm lòng bạn chắc cũng nhận đón sự sống như

tôi. Chắc anh không bao giờ ngờ tôi quý anh như vậy. Vì anh không ngờ gì cả - văn phẩm của anh cho tôi biết như vậy - ngoài sự bày giải lòng mình, ngoài sự cần thiết phải viết. Anh là một loại thảo hoa chỉ xin cho mình một phân đất nhỏ, một chút bóng mát của khe sâu, để gửi chút hương dịu ngọt”.

“Tôi có nên gặp anh không, khi anh đau ốm? Sự thăm viếng của tôi có cản trở, thay đổi chút nào lòng yêu mến vẫn nâng niu không? Khinh tôi, thì chắc anh không nghĩ thế, vì không khi nào một người như anh lại có tư tưởng như vậy. Tôi linh cảm rằng đời tôi đã bị buộc ngay vào anh từ lúc đọc của anh bài văn thứ nhất. Không phải tôi nói như thế để giảm nhẹ phần nào sự táo bạo thăm viếng anh. Không, có những người yêu là vợ chồng ngay ở buổi kỳ ngộ. Tôi còn thấy sớm

hơn nhiều”.

“Hai mươi tuổi đầu, tôi đã từ chối nhiều đám. Tôi không có phận giàu sang, mà những người hỏi tôi lại đều là sang giàu, quyền quý cả. Gia đình tôi muốn một sự môn đăng, hộ đối, dẫu rằng, bình nhật, tôi chỉ sống như một tên đầy tớ làm việc cho nhà, để cuối năm được bà tôi cho vài trăm may quần áo. Tôi đã chán ngấy cảnh giàu có của nhà tôi, chán ngấy vẻ phong lưu của người khác. Trong tiền của, con người thiếu tự do, bởi vì cuộc đời đầy rẫy những hình thức. Hỡi anh xa xôi! Anh đã là bạn em rồi đó, khi anh viết ra những nghịch cảnh của cuộc đời, khi anh mơn trớn em bằng những ý nghĩ khoan dung và nhân đạo. Qua vầng sắc mầu của tưởng tượng, em đã cảm thông với nỗi băn khoăn của anh, khi anh tả tấm lòng người con gái bỏ cô trong cảnh

con riêng, dì ghẻ. Em không nói được, thì anh nói hộ em. Phải, anh đã dạm hỏi em bằng những dòng chữ chứa chan niềm nhân ái, để sau này, trong cuộc chung đôi, em tha thứ hết cho anh, mỗi lần anh bực dọc. Em xem anh như một lẽ sống duy nhất mà đời em cần chiếm đoạt. Còn anh? Hỡi ôi, anh chỉ là một nghệ sĩ, chỉ thật là anh trên trang giấy trắng, khi dòng chữ mê say làm việc. Em không trách gì anh cả, và cũng không trách em. Em chỉ biết một điều: Em đã giúp anh sáng tác. Một tuổi trẻ như em nếu có gì cao quý đôi chút, chính là vì em nghĩ đến sự tiếp sức một văn tài, không màng đến thua thiệt. Em không đòi hỏi thêm gì cả, yên lặng tin rằng anh không phụ em, không lãng bỏ sự việc. Ngày đó cũng như ngày nay, lúc nào anh cũng có thể tìm ở em một niềm trung thành đến tận tụy, một sự son sắt đến não lòng. Em

là người đàn bà chỉ yêu có một bạn - và em đã yêu anh, hồi đó, anh và em còn là hai kẻ xa lạ”.

“Em nghe tin anh ốm, mà trở nên buồn quá. Em ước được chăm nom cho anh, giúp đỡ anh, nếu em có thể. Anh có biết, sau một tuần lễ lưỡng lự, ray rứt, em làm gì không? Em đem cộng tất cả số tiền em dành dụm lại - em còn nhớ tám trăm - mượn có ra Hà Hội thăm người cô, để đến thăm anh cho tiện. Chuyến tàu hôm đó đã không đưa em trở lại nữa trong sự bình tĩnh ngây thơ. Em đã hết là cô gái tỉnh xép. Em có trở về, nhưng là để thấy sự đời phiền phức hơn điều em nghĩ, và thấy anh... tàn nhẫn hơn anh trong văn chương. Nhưng, em nói lại rất chân thành, em không giận gì anh cả. Em đã gặp anh đúng như em nghĩ: niềm trong sạch đến hồn nhiên. Thế là

đủ phải không anh, khi lòng người thêm sự thành thật”.

“Em còn nhớ rõ hôm đó, em lại Tòa báo hỏi anh. Người thư ký lạnh lùng cho em biết rằng anh chỉ là người đưa bài đến đăng và chỉ có địa chỉ để gửi báo biểu. Em không tin rằng người đó nói thật. Em hỏi nữa, thì không ai biết anh cả. Tại sao xa xôi hàng trăm dặm, em lại quý anh, mà ở đây là nơi nhận bài anh, “thiên hạ” lại không biết? Em thú thật rằng, em đã đứng sững ra và ứa nước mắt. Sau cùng, em phải chép địa chỉ của anh để tìm đến thăm”.

“Phố Hà Nội lần đầu tiên em nhìn kỹ là một cái ngõ tiêu tụy, nơi em đến với anh. Mỗi một đường đi chênh lệch, mỗi một bức tường u ám đều làm em tránh nghĩ đến kiếp người buồn bã. Em tìm mãi mới đến được nhà anh, một căn

buồng nhỏ, trên một cái gác nhỏ.

Em đi đi, lại lại, trước nhà, nghe ngóng, dò hỏi. Em không có can đảm bước vào. Em sợ. Em sợ một cái gì tàn nhẫn sẽ xô đổ niềm dự tưởng tốt đẹp, tha thiết của em. Nhưng vượt hai trăm cây số ra đây, em đã vì anh mà bạo dạn. Anh ạ, đã năm năm rồi. Mà mỗi lần nghĩ đến cái cầu thang ảm đạm, em vẫn thấy rợn người. Em còn nghe như tiếng gõ rung dưới chân em bước, khi cả người em cũng rung vì cảm động buổi đầu”.

“Nghe tiếng chân bước, anh đương ngồi nghỉ bỗng quay ra. Đôi mắt anh ngơ ngác một cách mệt nhọc. Thấy em, việc đầu tiên của anh là vợ vội lấy cái áo khoác. Tại sao anh lại vội vàng như thế? Em đã biết anh nghèo từ lâu nên mới lại. Anh nhìn em, rồi hỏi: “Cô cho biết cô muốn hỏi thăm ai?”. Em bình tĩnh nói

tên người em muốn kiếm, vì có gì đã đưa em đến đây. Anh kéo ghế mời em ngồi, rồi ngả đầu dựa trên thành gỗ, mệt nhọc. Anh nhìn em rất lâu, như dò xét. Đây mới là lúc khó chịu nhất cho em. Bởi vì hình như anh lãnh đạm. Thú thật, lúc đó, nếu không kịp kìm giữ lại, em đã chạy xuống nhà, đi thẳng. Nhưng mà em đã lên đây rồi, đương đứng đây, nhìn rõ con người đã làm em xao xuyến. Bằng một thoáng mắt, em đã hiểu cảnh ngộ anh. Không bao giờ nữa, anh ạ, có một người con gái lại thân hành đến thăm anh như em làm ngày đó, khi tên tuổi anh chưa có, và văn tài anh còn xa lạ ngay chính ở tòa báo vẫn đăng bài anh. Căn gác anh sống mãi mãi nhắc cho em một kỷ niệm đẹp đẽ nhưng cũng vô ngần cay đắng. Đẹp đẽ vì từ đó một buổi bình minh tỏa ra rồi thắm mãi trong tình hương lửa. Cay đắng vì cũng ở đó, em nhận thấy người nghệ sĩ, dẫu

là nghệ sĩ, cũng vẫn không thông minh trong việc nhận xét cái Đẹp. Anh lãnh đạm với em chính vì em không đẹp lộng lẫy như bao nhiêu thiếu nữ lộng lẫy anh đứng ngắm hàng ngày. Bảo cho em biết đi anh, thế nào là đẹp? Có phải đẹp là một cái gì thật náo nùng người ta chỉ kịp nhận rõ khi đã mất hẳn nó? Như rồi đây, anh sẽ mất em, rồi anh sẽ tiếc?”

“Anh nhỉ, nếu em cũng đẹp lộng lẫy như những ai, chắc rằng ngày đó, anh tiếp em nồng hậu. Nhưng ngày đó thôi, mà không phải bây giờ, lúc chúng ta đã có hai đứa con xinh đẹp, lúc anh loạng choạng vác cổ vác ra ngoài đồng, lúc em... gần chết. Em chỉ ước một điều: sống bên anh mãi, yên ủi anh trong cuộc đời nhiều nhương, dâu bể, để cho tấm lòng nghệ sĩ bớt nổi cay chua. Bởi vì nhà nghệ sĩ của em có một tâm hồn trong

trắng, một cảm nghĩ thiết tha. Em, em đã đánh đổi cả cuộc đời thanh xuân để lấy cuộc đời thanh bạch đó”.

“Do một giao tình kỳ lạ, bí mật, em đã lại thăm anh, chịu đựng ngay những gay gắt buổi đầu gặp mặt. Anh có thật biết thương em là khi anh đọc lại thiên hồi ký em viết, sau này, rồi mắt anh chói chang vì những điều quá thật, rồi anh sẽ cắt bớt, thêm đi, nếu anh xét là phải. Nhưng đừng bao giờ anh in ra hết. Em không muốn tiếng nói của em lọt vào tai người thứ hai, vì bình sinh em không phải là văn sĩ”.

“Em thú thực rằng, hôm đó trở ra về, em đau đớn lắm. Nhưng em không thất vọng, vì em đã tìm thấy anh, đã yêu anh, nếu em nói được như vậy. Trong túi em vẫn nguyên tám trăm bạc, số tiền em muốn biếu anh, nhưng em không dám

gửi. Em kính trọng cái nghèo cao quý của anh và không muốn bằng một gửi trao vật chất nào, làm ố nhòen hình ảnh đó. Em yêu anh, hơn nữa, vì anh lãnh đạm với em, không phải là sự dửng dưng thông thường, mà chính vì anh không màng gì cả. Em còn nhớ khi nói đến văn chương, mắt anh sáng lên một cách rực rỡ. Em nhận thấy ở đó một lòng yêu lý tưởng và nghệ thuật sâu nặng, và em tự nhủ rằng: “Anh ta không tầm thường như nhiều người đàn ông khác”. Em muốn đến để nhìn cách sống của một người cầm bút, đọc tư tưởng của họ, để đem so với những sự hàng ngày đã làm em chán ngắt. Anh ơi, anh có tầm thường không, sau này, khi chúng ta đã bị hoàn cảnh cuộc đời làm cho bối rối, anh phải lo âu và em vất vả. Em không bao giờ dám nghĩ như vậy, cả ở những khi tầm lòng nghệ sĩ bị chẹt trong câu thúc, đòi

hỏi nhỏ nhất, anh đã tỏ ra không dịu ngọt cùng em. Nhưng em hiểu cả. Em hiểu rằng em đã lấy con người sống trên gác vắng, giữa một đô thị sa hoa, cái đẹp buổi gặp gỡ đầu tiên đã giúp em tha thứ hết. Qua những cọ sát nhỏ nhen mà hai chúng ta đều không muốn, em biết anh yêu em bằng tấm lòng chung thủy - tấm tình đó còn mãi cho đến ngày nay, khi em gần nhắm mắt”.

“Anh vẫn thường nói rằng, công việc viết văn chưa được xem như một nghề cao quý, cho nên người nghệ sĩ cứ phải long đong. Cho nên, vì cũng nghĩ như anh, em đã yêu người nghệ sĩ, hy vọng mỗi tình thâm thiết của em có thể vun trồng cho nghệ thuật xanh mãi”.

“Đã bao nhiêu đêm, em thức với một ao ước: xây được một căn nhà nhỏ, để anh có chỗ hàm dưỡng mà sáng tác.

Tự tay em, em sẽ trồng nhiều cây đẹp, để làm vui mắt anh. Rồi biết bao nhiêu cảm nghĩ rồn rập, chỉ riêng vì anh mà có, xây dựng êm ấm cho anh. Rồi em khóc anh ạ, khóc vì em đã yêu chồng tận tụy, khóc vì chúng ta cứ thiếu thốn mãi cho đến lúc em lìa đời. Nhưng dầu không đạt thành trong muôn một, niềm hy vọng nhỏ bé kia, em vẫn tin rằng anh sẽ sáng tác phong phú. Anh, mà em đã hiểu rõ, mà em đã hết lòng yêu, anh sẽ nhận lấy sứ mạng của một văn sĩ cơ cực, để không bao giờ ngã. Em nói luôn rằng: “Anh ta sắp viết”. Niềm tư lự, nỗi quặn quại không thốt ra lời của anh, mách em như vậy. Đã bao nhiêu lần mùa xuân lại trên thêm cửa căn nhà xiêu vẹo của chúng ta, em thấy bỗng dựng hình ảnh anh sáng lên trong bóng nước. Cái thoáng đẹp đó riêng biệt cho những người mang ngọn lửa bên trong như anh, làm em phần

khởi. Em nâng niu, ngắm vuốt một tác phẩm trong tay anh, điều này chính em lại muốn sống, rạo rực, đợi chờ. Nhưng em chờ, mà anh chưa viết được. Nghề viết cực nhọc, danh ác đến thế kia anh? Em thấy anh như chúi hần đầu lên trang giấy, gân trán nổi rõ, bàn tay run run với ngọn bút... Khi xưa, hồi mới quen em, anh viết dễ dàng, bây giờ, anh đo đắn... có phải rằng nghệ thuật khi đã chín, thì nghệ sĩ trở nên hồ nghi? Tâm sự ngã ba của anh đương phân vân trong một luồng gió lốc. Em hiểu và em thương chồng, dẫu không bao giờ anh nói. Mà nói làm sao, tâm trạng con người sa lầy giữa thời đại ngang trái, chưa có gì ổn định được cuộc sống xung quanh? Nghệ thuật lại càng không phải là thứ đồ dùng luôn luôn thay đổi, theo sự quản thúc của những nhu cầu vẫn chỉ là trong vòng khủng hoảng”.

Thiên hồi ký kia bị bỏ trắng một quãng lớn... rồi tiếp bằng những dòng chữ ghi hôm nào tôi ốm, hôm nào khỏi, nghĩa là đi lạc hẳn ra ngoài vấn đề. Đó là những dòng chữ cuối cùng của một người biết mình không thể sống được nữa. Người hiền phụ ấy, khi gần lìa đời, cũng như khi trường mạnh, vẫn một niềm kín đáo sâu xa. Đôi mắt mẹ tôi trở nên thăm thẳm. Người vẫn chăm chút cho tôi, vẫn tha thiết yêu chồng, nhưng cuộc sống đã mòn dần đi trên tấm dung nhan tiêu tụy. Sau khung cửa sổ, người hàng ngồi ngó về con đường trước mặt, như quẩn luyến những bước chân chồng. Cha tôi, ở nơi xa vẫn dạy học, để hàng tháng đưa về mấy trăm bạc chi dùng. Tuy đã yếu, nhưng mẹ tôi không hề hé môi nói thật cho chồng biết. Thuốc men ư? Đắt quá và hiếm quá. Tôi lại đương sức lớn, cần bù đắp luôn luôn. Nhiều khi cha tôi nhìn

vợ, tự dưng thấy chua xót vô cùng: trông nghiêng, chiếc cằm mẹ tôi đã nhọn vì đôi má hóp. Trông thẳng, đó là một vẻ mặt gầy yếu, sinh lực mỏng mảnh làm run tú chi lên. Mẹ tôi không bế tôi được lâu nữa. Người phải luôn luôn đặt tôi xuống giường, lấy lại sức. Nhưng đôi mắt mệt nhọc của mẹ tôi ánh lên những sung sướng. Trong khổ cực, người từ mẫu đã quên mất chính mình cần phải chăm sóc đi, để hết lòng chăm sóc một sức sống mới.

Mẹ tôi kín đáo đến nỗi, mỗi lần cha tôi về thăm nhà, cũng chỉ biết rằng mẹ tôi mệt thôi, mà không ngờ rằng sức yếu kia sắp đến ngày từ biệt. Trong thăm lặng đau đớn, người vợ vẫn nhìn chồng, chua xót trước một điềm dữ dội.

Rồi một buổi sáng nọ, mẹ tôi đương bế tôi trong lòng, bỗng loạng choạng đặt

tôi xuống, nằm đắp mảnh chăn đơn lại. Người mẹ nóng ran lên, tiếng răng đánh vào nhau lập cập. Căn nhà vắng lại một cách rùng rợn. Tôi đương nằm nghiêng, bỗng lật được sắp lại, ngoảnh đầu về phía mẹ tôi. Đó là cái lật đầu tiên của tôi sau gần bốn tháng. Tôi ú ớ mừng rỡ, nhưng mẹ tôi không còn bình tĩnh để nhìn cái xoay lật của đứa con cưng. Tôi lấy dần về phía cái chăn đơn lù lù như một đồng rẻ rách lên xuống theo nhịp thở nặng nề. Đứa trẻ vô tình lúc đó không biết rằng mình đương trườn lại một con người nóng ran rồi sắp nguội lạnh lại.

Tôi xoay bốn chiều trên giường, cuối cùng tay tôi luôn được vào chăn. Một mảnh chăn tự nhiên rơi ra và tôi túm lấy đầu vú. Tôi nằm lật lại, và cứ thế thúc miệng vào bầu sữa nóng. Tôi nhay, tôi nghiêng, tôi khóc thét lên vì khát. Bàn tay

mẹ tôi chỉ hơi run đờ lấy đầu tôi. Thấy bú mãi không được gì, tôi bỏ vú ra, nằm ngửa lên, hai chân đập đập. Mẹ tôi ú ớ đòi một cái gì, có lẽ là một ngụm nước, có lẽ là gọi tên cha tôi...

Từ trên mái nhà, ánh nắng lọt xuống bên người tôi. Một con thạch sùng sau sự thỏa thích tìm bạn, rơi xuống gần đó, rồi lù lù bò lên người ốm. Mẹ tôi vẫn không hay biết gì cả. Sinh vật kia ngoe nguẩy đuôi rồi vượt qua mặt người, chạy biến.

Giữa lúc đó, cánh cửa mở ra: cha tôi về.

Người hốt hoảng gọi mẹ tôi, rồi lật chiếc chăn đơn lên: đầu tóc mẹ tôi đã rã rượi, vể mặt xám ngắt. Cha tôi vội vàng gạt tôi ra góc giường, rồi đỡ lấy vợ. Tay người còn cầm nguyên cả số bạc mấy trăm rút sẵn ra để đưa cho vợ. Cuốn giấy

bạc rơi hững hờ xuống giường. Cha tôi ôm chặt lấy vợ.

Trong cơn mê mẩn, người đàn bà mở tròng mắt ra nhìn chồng, cái nhìn ánh lên những lưu luyến thất vọng. Mạch đập dần dần không đều. Mẹ tôi chỉ nhìn chồng mà không nói. Đây là một cơn hấp hối diễn ra từng phút. Tôi thấy người cha tôi run lên bần bật, rồi bỗng người cúi xuống mẹ tôi:

– Để anh đưa mình đi nhà thương ngay bây giờ.

Mẹ tôi lắc đầu, từ chối. Người biết rằng cơn bệnh đã mười phần nguy kịch, không hy vọng gì ở sự chạy chữa, hay vì người tính rằng đồng tiền đã cạn trong nhà? Cha tôi hiểu ý, giơ cho mẹ tôi thấy số tiền vừa lĩnh, và yên ủi vợ:

– Đã có tiền đây rồi, không sợ. Sau này em khỏe lên, không thiếu gì lúc kiếm lại.

Nói xong, cha tôi chạy thuê hai người phu cáng, vì chỉ còn cách đó thôi, mẹ tôi mới có hy vọng đến bệnh viện trước giờ đóng cửa được. Từ nơi chúng tôi ở đến bệnh viện xa những hai chục cây số. Đường xá ngày đó đã cắt hết, lối luân chuyển cho người khỏe là cuộc bộ, hoặc xe đạp. Trong vùng quanh đấy, chỉ có một bác sĩ giám đốc nhà thương mà sự có mặt lại thất thường vì luôn luôn xê dịch.

Vậy, bằng một cái võng hai đầu cột lên cây tre, mẹ tôi lên đường hôm đó, rồi không bao giờ trở lại với tôi nữa. Nắng vẫn soi qua giàn thiên lý, dòng sông biếc vẫn vắng vắng tiếng nước từ rừng về, nhưng người đàn bà nhỏ bé, khổ hạnh,

nhấn nài, và hiền từ không còn ngồi bông con, đợi chồng nữa. Mẹ tôi sống với tôi cũng lặng lẽ như khi từ biệt căn nhà nhỏ.

Trước khi lên đường vượt qua một quãng nắng gay gắt. Mẹ tôi nhờ chồng đặt mình ngồi lên để thở. Mẹ tôi nhìn rất lâu bức hình bán thân của anh tôi, như muốn thu hút lấy. Tôi nằm đạp chân gần đó, ngạc nhiên thấy tự nhiên quanh mình vắng quá, và những hình bóng thoáng động như trong giấc mơ. Đến khi cha tôi định bông tôi lên đưa cho vợ, thì mẹ tôi hiểu ý, lấy tay gạt đi. Mẹ tôi không muốn trông thấy tôi nữa. Mẹ tôi không muốn nhìn cái gì ở lại bằng đôi mắt buồn bã của kẻ biết mình sắp đi. Sự từ chối đó thật thê thảm, rùng rợn. Nó bình tĩnh đến lạnh lẽo, nhợt nhạt như nụ cười, như đôi mắt vương vất bóng tối mơ hồ. Tại sao mẹ tôi không nhìn tôi một

chút? Mẹ tôi sợ cái buồn tử biệt làm vẩn đục vẻ ngây thơ chẳng? Hay là nếu nhìn lại tôi, mẹ tôi sợ không chết được, khi người đã tự biết chết rồi? Chút ít hơi thở mấp máy ở cổ họng khô khan kia sẽ bị những giọt nước mắt làm tắc lại, vì lòng thương xót tôi.

Để mẹ tôi được yên ổn, cha tôi gửi tôi sang hàng xóm. Thấy bàn tay lạ bế tôi, tôi khóc thét lên, làm cha tôi ứa nước mắt. Nhưng cuộc đời tôi từ lúc đó sẽ chỉ sống trên những bàn tay lạ khác, truyền nhau hà sự sống cho tôi: bàn tay nhân loại. Không bao giờ nữa, tôi được kêu lên cái tiếng “mẹ” đầm thắm, quánh lấy lòng người như sữa quánh lấy hơi thở trẻ. Cha tôi bước ra, quay mặt đi. Tôi chột im tiếng khóc, nhìn ra: giàn cây hoa không còn có trước mặt. Tôi nhớ hơi mẹ, tìm bóng cha, rướn mắt lên nhìn mặt người

hàng xóm bế tôi, nhìn trừng trừng, rồi mếu máo. Tôi giầy giụa vô ích trong đôi tay không thân; ôm tôi hờ hững, rồi phát mạnh vào đít tôi để dập tiếng khóc. Từ buổi đó, tôi không làm nũng trước người nào lạ. Tôi dành những nũng nịu để “báo thù” cha tôi, con người máu mủ độc nhất.

Chiếc cáng băng qua những cánh đồng khô, như không cần đến sức người bệnh. Dưới cơn nắng ngày chính hạ như nung nấu, cha tôi chỉ mặc một chiếc quần đùi và cái áo cánh vá. Người chạy theo chiếc cáng mỗi lúc một phóng nhanh, để kịp đến bệnh viện.

Thỉnh thoảng, người vén chiếc chiếu che cáng ra, nhìn vào trong. Đôi mắt mẹ tôi đã đổi. Không một tiếng rên nào nổi lên. Người bệnh vẫn nằm lả. Nóng từ trên hắt xuống, từ dưới bốc lên. Hai cặp chân người phu cáng vẫn lạng theo đà,

tốc lực mỗi lúc một mạnh. Cha tôi vừa thở, vừa vuốt bồ hôi trán.

Đoàn người đến bệnh viện lúc xế chiều. Bệnh viện là một khu nhà lá, cất tạm với một số giường ọp ẹp. Mẹ tôi được chiếm một cái giường nhỏ, không chăn, không đệm, siêu vẹo như cuộc đời của người. Khó khăn lắm, cha tôi mới tìm ra được ông bác sĩ. Ông không đến ngay, lấy cớ là bận, và chỉ chịu lại thăm bệnh khi mẹ tôi đã là người đi. Chích thuốc xong, cũng vẫn dáng điệu thản nhiên, lạnh lùng, ông bỏ ra đi, tỏ dấu thất vọng. Thiếu chút nữa cha tôi lao người về phía ông, nhưng bàn tay của mẹ tôi đã níu kịp áo người lại.

Những người nằm gần đó đã kéo sát giường lại bên nhau. Họ biết rằng bệnh mẹ tôi nguy kịch lắm. Cha tôi ngồi xuống cạnh vợ, sờ trán người một cách

thất vọng.

Cơn gió chiều húc vào bức vách đất mỏng. Mái nhà tranh chuyển mình nghe rào rào. Chợt mẹ tôi run run nắm lấy tay chồng, nói thều thào như câu trôi lại:

– Mình đừng buồn nữa. Thế là... em sung sướng rồi.

Giọng nói đứt khúc vì mệt nhọc. Mẹ tôi nhắm mắt lại. Bốn năm hương lửa như đương diễu qua trí nhớ của người. Bốn năm của những con người bỏ quê hương đi tránh loạn. Cùng lúc cả hai văng trán gợn lên những kỷ niệm đau lòng.

Rồi bỗng mẹ tôi mỉm cười. Cái mỉm cười làm nhẵn đôi mép, chua xót lạ lùng. Tiếng người nói chỉ còn đoán mà hiểu.

– Anh... có giận... em không?

Cha tôi lắc đầu, ứa nước mắt. Tôi nghiệp, người đàn bà nhẫn nại đó chỉ sợ chồng không vui, cả ngay ở khi gần chết. Phút cuối cùng gần lại. Mẹ tôi đã bắt đầu thở hắt ra. Trên vầng trán người, lấp lánh những giọt mồ hôi đặc lại. Rồi bàn tay mẹ tôi run run đưa lên cho cha tôi nắm lấy. Mắt người sáng lên. Điềm tiếc nhớ cả một cuộc đời và bịn rịn bao nhiêu tình nghĩa kết lại ở một chấm nhỏ lấp lánh trên nền thăm thẳm con người. Rồi đồng tử lạc đi, chống không nổi với sự chói chang, gay gắt, sau khi sự sống ba mươi năm đúc lại có một giây lát kết tinh. Trên đôi môi, nụ cười run run héo mờ như một thoáng bóng.

Tên tuổi tôi không một lúc nào được mẹ tôi nhắc đến. Ngoài những câu đút khúc, yếu đuối, mẹ tôi cũng chỉ còn biết nhìn chồng. Người đàn bà đó đã sống vì

lặng lẽ, để chết trong lặng lẽ. Trước khi đợi phút cuối cùng đến, người đã kín đáo kéo kín lại chiếc quần đen nhàu rách, như đã từng van thán cảnh nghèo nàn, lúc nào cũng khoan thai, trân trọng và kín đáo ở cuộc đời: vốn nhiều khô khan, thô bỉ.

Cha tôi đứng sừng sững giữa bệnh viện, nơi mọi bệnh nhân khác vừa dồn ra phía bốn bức vách, nhường chỗ cho người chết nằm. Tử thi mẹ tôi giống như một khúc gỗ nhát búa vạc đi không đều, sóng soài trên giường nứa, hai tay đặt lên bụng. Hai mắt người trũng và thâm, đôi vai xương nhô lên rõ rệt. Cả người chết có lẽ không nặng quá hai mươi cân, vì những cơn sốt liên tiếp đã tiêu tan hết sinh lực.

Cha tôi buồn rầu hay chua xót, có lẽ chính người cũng không biết nữa.

Không ai có thể biết mình đau khổ hay tuyệt vọng trước một bước gian truân xảy ra vào giữa một thời đại không có ngày mai chắc chắn, giữa một nhân tâm quay cuồng trong gió lốc. Người chỉ thấy rằng, từ trên đôi tay bao lâu nay mang nặng, một vật gì thân thiết vừa rơi xuống, và tiếng rụng náo nức đó chợt gợi cho ta một niềm hốt hoảng bất thường.

Từ nơi gần đó, có tiếng người nào khuyên cha tôi:

– Thôi, ông liệu mà chôn bà đi cho mát. Để thế này e bất tiện lắm.

Mà thật, cũng chỉ còn một cách là... chôn. Không kèn. Không trống. Mẹ tôi chết thật là yên ổn, đúng như cuộc đời thâm lặng của người, tuy rằng bình sinh, người đã đi theo bao nhiêu đám tang thân nhân trọng thể. Cũng không một

lời di chúc nào được thốt ra trong cơn hấp hối. Vả lại có di chúc cũng bằng thừa: chúng tôi không có gì đáng nói cả. Mẹ tôi yên lặng là phải, cái yên lặng ngụ ý bịn rịn, thương xót rất nhiều cho cha tôi mà người biết rằng con đường đi sẽ vô cùng gian nan, vất vả. Có một câu mẹ tôi không dám hỏi cha tôi, có lẽ là câu này:

– Anh có nuôi nổi đứa con năm tháng không?

Bóng một đứa nhỏ là tôi phảng phất ở giờ tử biệt. Mẹ tôi không nỡ nhắc đến con, không dám nhìn con, âu cũng là đã biết trước rằng tôi có sống được cũng chỉ là may mắn lắm. Người chỉ nói một câu yên ủi kẻ sống:

– Em sẽ phù hộ cho anh.

Cái tiếng nói phương Đông kia là cả một kích thích và an ủi. Niềm không tưởng đó đôi khi giúp cho con người tin rằng việc làm của mình có cặp mắt huyền bí nào nương đỡ.

Cha tôi ngồi lại gần xác chết, gục đầu xuống. Một người nằm, một người ngồi, cùng trên một chiếc giường, cũng trên một quả đất, vậy mà sự phân cách đủ biến biệt vô cùng, như điều gì hết sức phi lý.

Nhắc lại cái chết tẻ lạnh đó, sau này, cha tôi gửi cho tôi trong thiên hồi ký:

“Bố thấy mắt mẹ con cứ rướn lên, như không chịu tin rằng mình sắp phải chết. Cái nhìn vớt vát đó, bố hiểu rằng mẹ con thương bố, muốn gắng sống để chia sẻ những đau khổ với chồng. Mẹ còn bình sinh là người không bao giờ muốn

cha con ta vất vả. Nhưng sức người đàn bà phương đông đó yếu quá, tuy lòng tốt vẫn bao la. Những mẫu đời sống với mẹ con, bố ghi vào cả cuốn hồi ký, để con đọc. Con gắng tìm trong đó bài học chưa chát về nhân sinh, thứ nhân sinh bị ruồng rẫy, hắt hủi, có nhiều khi đến thành ra nhỏ nhen, bần tiện. Lúc con đọc những dòng chữ đó, chắc loài người đã nguôi cơn điên dại, thế hệ đã chôn cất những đau khổ một thời. Bố không dấu gì con mà viết ra những điều tàn nhẫn. Bố viết riêng cho con, vì có những dòng chữ cần phải đi riêng từ tấm lòng này đến tấm lòng nọ, khi thời đại không cho ta nói ra những điều gay gắt. Bởi vì cơn giông tố đã qua, kỷ nguyên lắng lại, con có hiểu rằng ý thức tốt đẹp của những con người nhiều khi bị dập vùi đã man.

Cuốn hồi ký gửi con đó, bố viết nên một khi không nhịn viết được nữa. Trong đêm thâm vô cùng, trong đó, lương tâm, linh hồn chỉ chập chờn như ngọn đèn hạt đậu dọa tắt, những dòng chữ này đã nhuộm qua một trận cuồng phong. Bố muốn rằng, đọc lại nó, con nên có cái tâm niệm này trước hết: đừng bao giờ cổ võ, dẫu chỉ bằng một lời nói vô tình, cái ý thức chém giết hằng rền vang trong mạch máu động vật. Bởi vì có những người chỉ là một thứ động vật nhiều khi thúc giục một bản năng hơn là bởi lý trí. Nhưng cảm tình là cái mà bố thấy thiếu hẳn ở thế giới này. Cảm tình đã trở nên lạc hậu, riêng chỉ tồn tại ở một số người bị mạng danh là nghệ sĩ. Cái thời đại bố sống, anh em thù nhau, Đông và Tây ghét nhau, quả đất hùng hực những cảm hờn, bất mãn. Lẽ sống dệt bằng khói lửa, người ta không biết gì hơn là

thủ tiêu nhau để hòng thoát khỏi ngõ bí. Nhân loại cần phải hủy diệt, dẫu đến cả một cây cỏ non, nếu cần phải mở lối. Mở một lối đi qua xương máu, tang tóc, con người ngày mai đắc thắng dung mạo và hình thức sẽ ra sao? Thế giới có cái gì nghiêng lệch, điên đảo mà sức mạnh chỉ làm khủng hoảng thêm lên thôi. Ở thời đại bố con sống, chưa khi nào nhân loại tinh ranh đến thế. Sức khai thác khả năng khoa học đã làm rung động lòng người. Đạo lý ngày xưa quy tụ ở một vài nơi: Để phát ánh sáng đi, bây giờ, ai cũng nói đến nó. Người ta đến nói để bào chữa hoàn cảnh, để huy trương một lối sống và bệnh vực một lập trường. Ai mạnh thì thắng, ai yếu thì thua. Cuộc đại chiến thứ hai tắt tạm đi, không giải quyết được gì cả. Nó dây dưa một sức ngấm ủ tai hại, và cuộc chiến tranh âm thầm đục ruỗng nhân loại, như ngọn sóng đục

ruỗng chân cù lao. Gần hết nhân số trên thế giới đều mong mọi hòa bình mà thất vọng!...”

Ngày đó tôi mới được bốn tháng rưỡi, tôi lại chưa được cai sữa. Từ hôm mẹ tôi ốm, đôi bầu vú lép cạn, tôi rúc, tôi mút, tôi nhai nghiền, nhưng chỉ còn như là hai cái nắm cao su người ta dùng để dỗ trẻ em. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy vắng một hơi hướng gì thân mật quá. Hơi hướng đó quẩn lấy tôi từ khi còn liền với khúc ruột mẹ, nuôi sống tôi lúc đã ra đời. Nó ở khắp mình, ở tóc, ở nước mắt, bồ hôi, rời nó ra, tôi mất một phần lớn sinh lực. Vậy mà, hôm đó, cách một quãng đường vài chục cây số, trong cái nóng oi ả của chiều hè, mẹ tôi không bao giờ lại với tôi nữa. Mắt người tắt đi, khi nắng chiều vừa tắt. Chung quanh tôi, bóng tối chập chờn vây phủ, ngọn đèn

dầu bàn tay lạ nào vừa thắp lên, lung lay, mờ ảo. Tôi khóc thét. Tiếng văng ru đều cổ đồ tôi nín, nhưng tôi thêm sữa, khát sữa, đói sữa!

Ánh đèn vàng soi một khoảng giường trống trước mắt. Tôi nhìn vào đó mà hét lên: hình như có một bóng trắng đang nằm đợi. Tôi quờ hai tay, đòi sà xuống chỗ ấy. Một tiếng quát nổi lên của người hàng xóm bức bội vì bị tôi quấy mãi:

– Muốn sống im đi, tao thì ném đi bây giờ.

Tôi ngừng bật và lơ lảo nhìn. Tiếng nói gắt gỏng kia thật là lạ. Nó tàn nhẫn quá. Hôm nào mẹ tôi cũng gắt, nhưng cái gắt đó đến yêu. Bây giờ, cái gắt kia không thể chịu được. Có cái gì làm ghen hòng tôi lại. Tuy nhỏ, rất nhỏ, nhưng tôi hiểu rằng, nếu quấy rầy, tôi sẽ bị thiệt. Nhà

vắng quá, chưa bao giờ vắng ghê gớm như vậy. Tôi hướng tai ra xung quanh. Không còn tiếng guốc từ dưới nhà chạy lên, mỗi lần tôi khóc. Cũng không cả tiếng ho rung rung trong lồng ngực một người đàn ông lao lực. Người hàng xóm đặt tôi nằm xuống văng. Tôi nhắm mắt lại. Mỗi lần tiếng khóc toan trôi lên ở cổ họng, tôi đều nén đi cho khỏi bị mắng. Thay cho sữa, người ta bắt tôi ăn nước cháo, vừa bắt ăn vừa trừng trừng nhìn tôi. Cũng may, tôi là đứa trẻ kháu khỉnh, nếu tôi xấu, thì không biết cái hắt hủi sẽ đến đâu. Người đàn bà lảng giềng, mồm rộng mắt to, nhìn tôi và lạnh lẽo:

– Mẹ mày chắc là chết mất. Rồi mày bồ côi con ạ. Bồ côi là khổ lắm. Mày mới có bốn tháng rưỡi, còn phải khó khăn nhiều. Bồ mày đàn ông, đàn ang biết làm gì nuôi mày được. Bồ mày cũng phải lấy

vợ, rồi mày lại có dì ghẻ. Khổ lắm, con ơi.

Toàn những lời cay nghiệt. Tôi chẳng hiểu gì, nhưng mang máng biết rằng không còn phải là lúc khóc nữa. Bởi vì bố mẹ tôi không có đây. Mẹ tôi sắp chết. Và lúc đó, than ôi, người đã chết.

Mẹ tôi vừa chết thật, chết ở nhà thương làm phúc như vừa tả trên kia. Cha tôi chứng kiến từng phút một. Chết bắt đầu từ chân, lên dần đến óc. Người mẹ tôi gầy đét lại. Mãi đến lúc đó, cha tôi mới rõ rằng mẹ tôi yếu đến thế. Nóng cào ở ruột người hấp hối. Tay chân bắt đầu mỏi. Cái cử chỉ nhắc lại luôn luôn là ra hiệu cho bố tôi quạt. Càng quạt, mồ hôi càng ra, từng hạt, từng hạt đọng lại trên trán. Khi năm ngón chân cứng lại, tái đi, thì đôi mắt bắt đầu rón lên, rồi chớp chớp. Cổ họng mấp máy. Tiếng nói

trào lên, nhưng nghệt lại đấy. Hai bàn tay bắt đầu nói hộ. Nhưng tay lại run run, khờ dại, vẽ mơ hồ và yếu đuối những ý tưởng có lẽ thiết tha và đau đớn lắm. Rồi cả hai môi cùng mấp máy, đầu lắc dòn, mắt chớp lệ, tất cả, tất cả đều muốn một cái gì, mà không tài nào diễn nổi. Tất cả ghen ngào, xúc tích những uất ức, khi ánh sáng đọng lại nguyên ở hai đồng tử thăm thẳm, kinh hoàng, chập chờn, lỏng lẻo mà ta gọi là đôi tinh lạc.

Con người quả thất vọng rõ rệt, đưa đôi tay cào cấu lấy bờ sự sống, trước khi rơi vào cõi bí mật, ở đó, không ai đoán được là hỏa ngục hay Thiên Đàng, Nát Bàn hay Cực Lạc. Chưa ai tả được, bởi vì không nghe được tiếng nói sau cùng, những tư tưởng sau hết. Trong một trăm năm - mức hạn thông thường của sự sống - con người thật đã nói nhảm nhiều

quá, làm bậy nhiều quá, để đến nỗi, ở lúc muốn nói lên, dẫu chỉ bằng một lời, mà không nói được.

Người ta bảo: “Nó đã chết”, để khép lại tấn kịch mà “nó” đã đóng trên đời, một tấn kịch hùng tráng hay bi thương, gian tà hay cương trực.

Chết! Mỗi người đã được ấn định là phải trả nợ, vay nợ, trong vài mươi năm, bảy tám chục năm, để rồi hoặc vỡ nợ, hoặc đào ngũ đi thẳng. Ít có người tay trắng ở dưới mồ. Có những người đẹp thật đó, nhưng cũng có khi là sử sách làm hộ cho, tô điểm lại, lấy chút công để bù vào chỗ tội lỗi. Có phải vì chán ghét con người đảo điên và giả dối mà tôn giáo Ai Cập bắt phải thờ mặt trời và đạo Hồi thờ con bò vàng ngơ ngác?

Cũng là người cả, nghĩa là cũng đến

chết, mà phương Đông chê phương Tây là văn minh, cục súc, phương Tây bảo phương Đông là bán khai, dã man, mảnh đất nọ nguyên rửa đất kia là không tự do, và phong kiến.

Nếu tất cả súng đạn ở đời này dùng để khắc ra một lý thuyết, đem bán đi, chế thuốc cứu trăm bệnh loài người, thì thế giới chắc là không có những cái chết oan uổng như cái chết của mẹ tôi. Cái chết đó thảm hơn, lại làm thiệt đến cuộc sống ngây thơ của những đứa trẻ bất hạnh.

Chiều chập choạng hôm mẹ tôi chết, nắng rừng Lào vàng vọt trên đỉnh núi Nứa. Những chiếc xe củi, bánh gỗ cây trên con đường núi đất đỏ như tiết, long lở, rời rạc nhịp với tiếng mõ buộc ở cổ trâu, gõ đều trong rừng thẳm. Con sông con kéo lê một làn nước ngầu đục, len lỏi qua giữa hai bờ tre rừng hiu hắt.

Cái chết bơ vơ trong khung cảnh hoang dã đó xảy đến như một thiên tiểu thuyết bi thảm.

Khi đôi mắt mẹ tôi mở trừng trừng để tiếc đời lần sau cùng rồi khép hẳn lại, cha tôi không khóc. Lòng người tê đi như bị mũi dao đâm sâu không biết buồn.

Một sự thật chua chát hiện rõ ra: chết thì phải chôn, mà chôn thì không thể cứ thế vùi xác xuống đất được. Cha tôi cúi xuống hôn vợ lần sau cùng, cái nghiêng xuống của một tình nghĩa chất nặng, một sự nhắc lại của bao nhiêu năm sống chung vừa đau thương, vừa êm ái.

Ở ngoài cửa bệnh viện, hai người phu cáng vẫn đứng chờ. Đã từ lâu, cha tôi quên họ đi, nghĩa là quên một số tiền phải trả. Trong một phút bối rối, cái quan tài cứ lơ lửng trong đầu óc người.

Nếu mua cho mẹ tôi cỗ ván thì không đủ tiền trả người phu, mà nếu trang nợ cho sòng phăng đi, mẹ tôi hẳn phải nằm trần dưới đất.

Sinh thời, mẹ tôi chưa từng vay mượn ai cả, dẫu là vay họ hàng, thân thích. Cái chết kia, cũng giống như cái sống của người, hoàn toàn sạch sẽ. Vậy mà lúc này, một nỗi băn khoăn đương diễn ra bên cạnh cái xác lạnh ngắt.

Cuối cùng, để cho hai người phu đỡ lo nghĩ, cha tôi nhờ họ đi theo mua áo quan, và hẹn khi về nhà sẽ trả tiền rất hậu. Từ nơi mẹ tôi chết đến chỗ phố huyện, xa gần sáu cây số. Cha tôi nói khó với người gác nhà thương, quán tạm thi thể mẹ tôi vào một góc nhà, phủ chiếu lại. Rồi cùng với hai người phu, cha tôi chạy vội đến nơi bán những cỗ ván. Chủ bán áo quan là một người đàn bà mầu da

tái nhợt, mặt phớt qua một lượt phấn rẻ tiền, không che kín được vẻ hung dữ.

Đôi mắt bà ta hau háu. Ngồi giữa những cỗ ván, con người đó đã lâu năm rồi, không thấy hơi chết là tanh tươi nữa. Cái miệng cười mở rộng, mỗi lần được hung tín của ai và là hỷ tín đối với bà. Cả phố huyện, chỉ có mình bà ta làm cái nghề bán “săng” như vậy. Cương quyết hơn ông bác sĩ khai hóa đơn, người đàn bà kia “ăn” từng cái chết một, bất cần là phong lưu hay nghèo khó. Không cần phải có một bầy quạ người đi đánh hơi xác chết trong những nhà thương như ở thành thị, cả một vùng lớn phải cần đến bà.

Hôm cha tôi vào mua áo quan, mắt bà sáng lên, miệng cười hênh hệch. Chiếc áo lục điều nhuộm màu lục khiến bà có vẻ một thứ đồng cốt kinh hoàng ở

những miếu đền xa vắng. Hàng của bà đủ cỡ, tượng trưng được hết những oan nghiệt cuộc đời: có cái dài lòng thòng, có cái nhỏ xíu. Cuộc kiếm ăn ở kích thước lạnh lẽo đó trải qua bao nhiêu năm, đứng nghĩa với sự tàn nhẫn, vô giác của đồng tiền xiết máu.

Cha tôi lấy mắt đo chừng một cỡ áo quan. Tay người sờ lên mặt ván. Cái áo cuối cùng của con người vĩnh biệt không thể nào mỏng được. Quan tài chọn được rồi, giờ chỉ còn đến việc tính giá. Người đàn bà kia vẫn lạnh lùng như đã lạnh lùng như mấy kiếp:

– Cỗ ván này tốt lắm, ông cho ba trăm.

Cha tôi rút ngay tay lại. Có ai tinh ý, sẽ thấy mặt người tái đi, mình người run lên. Hình ảnh một xác chết vất xó ở đâu

đây thoáng qua óc. Ba trăm! Sao một cái áo cuối cùng lại có thể đắt như vậy được. Tất cả vốn liếng của cha tôi chỉ có hai trăm bạc. Làm sao có thể vừa mua ván, vừa trang trải tiền phu. Bà chủ hàng như tinh ý, chỉ vào một cỗ ván khác, bảo cha tôi:

– Ông lấy cỗ kia mỏng hơn, chỉ có hai trăm. Nhưng tôi sợ gỗ bục, người ta nằm không êm xác!

Cha tôi lắc đầu, tay vẫn chỉ cỗ ván thứ nhất, mà không sao nói được.

Cuối cùng người nghĩ ra một mưu kế tuyệt diệu: người mượn có đi lấy tiền của một bà con gần đây, rồi trở lại sau một lúc. Không rõ cha tôi nghĩ thế nào trong lúc tạm lánh ra ngoài, nhưng khi trở lại, người nói bằng một giọng bình thản:

– Bà bớt cho ít nhiều.

Thấy món bỏ, bà chủ hàng khẳng khẳng giữ giá. Sau cùng, cha tôi bằng lòng mua, và dặn riêng hai người phu cứ khiêng áo quan đi mau trước rồi người sẽ theo. Còn cha tôi thì đứng ở hàng, đưa cho bà chủ hai trăm bạc và bảo:

– Tôi đứng đây đợi người nhà đưa lại thêm một trăm nữa giả bà. Bây giờ xin phép bà cho hai anh kia đưa cỗ ván đi trước cho kịp giờ liệm.

Thấy cha tôi ăn nói rất khoát đạt, người đàn bà hung dữ kia không ngờ đến lượt mình cũng bị lừa nốt. Và bà ta bị lừa thật. Cha tôi kiếm những chuyện đầu đầu ra thù tiếp, dẹp cái chết của vợ lại bên lòng, để làm trọn thủ đoạn của một người quá nghèo và lâm vào một tình thế bất đắc dĩ. Dò chừng hai người

phu cáng đi đã xa, và đến lúc thi hành mưu kế, cha tôi đứng dậy nói một cách băng quơ:

– Lâu quá, sao chưa thấy người nhà đưa tiền ra trả.

Rồi nhìn một thằng nhỏ đứng gần đấy, cha tôi bảo bà chủ:

– Hay bà làm ơn cho cậu bé này theo tôi đi lấy tiền.

Lẽ dĩ nhiên là bà chủ bằng lòng, và theo đúng ý muốn của cha tôi. Sau này, khi cuộc đời đã bớt sóng gió lại, cha tôi vẫn thuật lại cái hình ảnh đau thương kia bằng một giọng ngùi ngẫm:

– Cha, cha không định tâm lừa đảo. Nhưng cuộc đời có nhiều lúc không để cho ta cao thượng được, ví dụ như ở trường hợp kia. Cha đã trở lại, sau này,

trả cho bà chủ số tiền còn thiếu. Nhưng bà chủ đó cũng lại đã... chui vào cổ áo quan rồi, như ngày nào mẹ con chui vào ấy. Cha đã lừa một lúc những hai người, một bà chủ hàng và một đứa trẻ. Cha bảo nó đứng ở cuối phố chờ cha, rồi cha lên ra sau một cánh đồng có lối đi về bệnh viện. Nhưng vừa quay đi được mười bước, cha giật mình vì thấy đứa nhỏ tha thiết dặn với lại: “Ông lấy tiền mau trả cho bà cháu nhé, không thì bà cháu đánh cháu chết mất”. Cha cau mặt dừng bước. Dưới nắng chiều chỉ còn hơi vàng, đứa bé kia trông ngây thơ quá. Cha vội chạy lại với nó, như bây giờ cha trở lại với con mỗi lần con bị dọa nạt, mua một chiếc kẹo dúi vào tay nó và vừa nói, vừa quay đi: “Con đừng sợ. Mai đây ông sẽ cho con gấp mấy lần số tiền của bà chủ”. Rồi cha quay đi, không dám nhìn lại. Rồi không biết từ bao giờ, cha nghe

gió đánh tạt vào hai bên tai, đôi chân thoăn thoắt vượt cánh đồng rộng. Mang máng cha nghe tiếng đứa trẻ la hét lên ở phía sau. Cha vẫn chạy. Cha chạy đến với mẹ con. Cha chạy theo cổ áo quan có lẽ đã tới bệnh viện. Ở đây cha sẽ chôn mẹ con cho mau. Bà chủ hàng nếu có thể chạy theo thì cũng đã muộn. Vả lại, dẫu độc ác đến đâu, không ai có thể bước một người chết lên được. Cha nhớ mãi mặt đứa trẻ lo lắng. Cha nhớ mãi cái hành động liều lĩnh của một con người nghèo. Có lẽ đứa trẻ đã bị hành hạ một trận nên thân. Cha đã làm một việc mà cha không muốn, nhưng phải làm vì than ôi, đời... là thế.

Hôm đó, trên con đường bốc hơi nóng buổi chiều, và dưới nắng xiên hông, một người đàn ông hớt hải chạy theo cổ ván, thấy đời không còn đau đớn nữa,

bởi vì đã sượng người trong nỗi tuyệt vọng.

Bỗng giữa lúc đó, mấy chiếc máy bay lẹ như cắt chúi đầu xuống một làng trước mặt. Những vật gì đen đen lao nghênh xuống từ mấy cái cánh phi cơ. Vài tiếng nổ rùng rợn. Cha tôi vẫn chạy về phía bệnh viện. Đoàn chim sắt vẫn quần gần đó. Cảnh chiều đã vắng, lúc đó càng vắng hơn. Không gian chỉ có tiếng rít của động cơ đâm bổ. Và trên đường chỉ có tiếng chân của cha tôi vỗ vội lên mặt đất. Cuộc oanh tạc gần lại rồi chuyển sang một địa điểm bên cạnh. Về phía sát với nhà thương. Những đám cháy bốc lên, cuộn cuộn. Dĩ nhiên là cha tôi hết hoảng khi nghĩ đến chuyện rất có thể một trái bom làm vỡ cổ quan tài hay thiêu tan xác chết. Cha tôi quên mất rằng chính người lúc này mới là đáng trọng hơn là

cổ ván, hơn là tử thi. Trong hốt hoảng, một nỗi mừng quái gở: vương phải cuộc oanh kích này, bà chủ hàng áo quan chắc không theo kịp để đòi số tiền, trước khi khâm liệm.

Đêm đã về, một đêm trăng muộn, nhưng đã có ánh lửa của mấy dãy nhà bốc cháy dưới trận bom soi rõ. Những đợt lửa vàng vắn vèo như bóng mấy cây đóm bắt ếch chụm lại. Mẹ tôi không còn nằm ở chỗ cũ nữa. Người ta đã “kéo” xác người ra gần bụi cây vì nhà thương thiếu hẳn phòng xác. Mẹ tôi nằm ở đó, lãnh đạm trước cuộc oanh tạc, giống một cây củi khô bỏ quên bên bờ rừng.

Tóc người rủ xuống mặt. Hai tay chắp lên bụng. Người cứng nhắc, môi khô, mắt đen. Vốn liếng góp được sau mấy năm tản cư đã dùng đến mức sau hết: chiếc quần đen mỏng, rách và chiếc

áo cánh vận từ hôm bắt đầu bị ốm.

Cha tôi và hai người phu cáng dừng lại, nhìn sững. Trong số, có một người cảm động, ứa nước mắt. Đây không phải là một buổi liệm. Bởi nếu là liệm thì phải tắm rửa, thay quần áo mới. Mẹ tôi không có một mảnh vải nào cả. Để cho người chết đỡ tủi - người chết có tủi không? - cha tôi cởi chiếc áo cánh ướt trên người, đắp lên vợ.

Cuộc liệm xác bắt đầu dưới ánh lửa những đám nhà cháy hắt lại. Hai người phu cáng giúp cha tôi chôn cất vợ. Trong khi vùi vàng, cha tôi đã thừa một cỗ ván hơi ngấn. Nhưng không sao cả. Người chết bắt buộc phải nhét chặt xuống đáy ván, chân hơi vồng lên. Làm sao khác hơn được. Vài ngày sau đây, dưới lần đất cứng, cuộc chương xác có bắt đầu, bắt quá cũng chỉ hơi bật nắp ván là hết.

Đêm đã khuya, công việc phải làm vội. Chiếc áo quan được dòng xuống huyết.

Từ lúc đáy áo quan chạm vào đất cho đến lúc lấp đất lại, cha tôi nghen ngào không khóc được. Bỗng người hốt hoảng bảo người phu cáng:

Lúc lấp đất lại tôi thấy hình như... một mảng tóc lòi ra ngoài ván... hèn nào mà đóng cá khó thế...

Hai người phu không nói gì, yên lặng vùi đất lại. Suốt ngày ba người mệt mỏi, đói khát, công việc chôn cất kia cần phải cấp tốc.

Một mảng tóc lòi ra ngoài chớ một ngón tay bị chẹt ở nắp, thì cũng thế mà thôi.

LỜI BẠT

HỒ DZẾNH (1916-1991) TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HỌC ĐƯƠNG THỜI

Tương tự những nhà văn xuất hiện cuối thời “tiền chiến”, ở trường hợp Hồ Dzếnh, người ta không dễ tìm thấy nhiều chứng tích “thành văn” về phản hồi của dư luận văn học ngay hồi ấy đối với các tác phẩm của ông. Một lời

đề tựa của Thạch Lam (cho tập Chân trời cũ, in 1942), một bài điểm sách của Kiều Thanh Quế (Tri tân, 1942), - đối với cây bút Hồ Dzếnh, thế đã là điều may mắn mà những người cùng lứa như Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài... cũng chưa chắc đã có được nhiều hơn, ngay hồi ấy.

Phải nhận rằng trong cái làng văn bao gồm tương đối nhiều tài năng và sự độc đáo thời tiền chiến thì việc quảng cáo cho nổi lên được một cái tên là việc thiết thực, cần làm. Người ta biết, Tự Lực văn đoàn đã có một chiến lược tạo dư luận để đặt những tên tuổi của nhóm mình (Thế Lữ, Xuân Diệu...) lên thành dòng chính của thơ mới. Hồ Dzếnh từng được Thạch Lam (người của Tự Lực văn đoàn) ưu ái giới thiệu với làng văn, nhưng sáng tác của cây bút trẻ này lại đăng tải trên các cơ quan của nhà Tân

Dân - đối thủ cạnh tranh của nhóm Tự Lực. Có một thời gian, Hồ Dzếnh cộng tác khá mật thiết với tờ Người mới của chủ bút Nguyễn Địch Cương. Tờ “tuần báo văn chương, trào phúng và thể thao” này, từ cuối 1938 đến cuối 1939 chỉ ra được không đầy 10 số. Những bài thơ ký độc một chữ “Dzếnh”, bài phê bình ký họ tên thật Hà Triệu Anh xuất hiện đều đều ở đây. Tòa soạn có lần chủ ý “lãng-xê” thơ lục bát, của cây bút này giữa lúc thơ lục bát dường như đang hiếm đi, và điều đáng kể hơn, theo tòa soạn “những cánh hoa đây là những giọt máu nồng nàn của một chân tình khác máu chúng ta: bạn Dzếnh, một thanh niên thi sĩ Trung Hoa còn hứa hẹn nhiều hy vọng” (Lời tòa soạn, Người mới, số 6; 14.1.1939). Nhưng Người mới hẳn vì thua lỗ nên đình bản vào cuối tháng 2.1939 rồi đến tháng 6 được bán cho nhóm Nguyễn Thường

Khanh (Trần Mai Ninh), trở thành báo cách mạng với các cây bút khác. Tờ này cũng chỉ ra thêm được 5 số rồi bị rút giấy phép (tháng 9.1939).

Hồ Dzếnh vẫn chỉ là cây bút độc lập, không thuộc nhóm nào.

Năm 1942, hai cuốn Chân trời cũ, tập truyện ngắn, và Quê ngoại, tập thơ, lần lượt ra mắt; tác gia Hồ Dzếnh định hình hẳn ở các tác phẩm này. Đây là điều sẽ được xác nhận về sau.

Chưa có tài liệu nào nói về Hồ Dzếnh thời tiền khởi nghĩa và cao trào tháng Tám 1945. Chỉ biết vẫn tắt thời gian ấy ông ở Hà Nội. Trong mùa Văn nghệ ngay sau cách mạng, đóng góp của ngòi bút Hồ Dzếnh khá ấn tượng: tính đến tháng 9-1946 ông đã kịp cho in tập thơ Hoa xuân đất Việt, tiểu thuyết Cô gái Bình

Xuyên, chưa kể kịch bản Người nữ cứu thương Trung Hoa. Khi kiểm điểm Tình hình văn học Việt Nam sau cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 (Tập chí Tiên phong, số ra ngày 19.8.1946), ông Đặng Thai Mai, một trong những yếu nhân của Hội Văn hóa Cứu quốc, đã nồng nhiệt ghi nhận đóng góp của Hồ Dzếnh. Ông đặt Hoa xuân đất Việt bên cạnh Ngọn quốc kỳ (của Xuân Diệu) để chứng thực về một dòng hùng ca mới. Ông nêu tiểu thuyết Cô gái Bình Xuyên như là “chứng thực một nhân sinh quan mới, một thái độ nhận thức bạo dạn và chắc chắn” của tác giả “đã được trông thấy những giờ oanh liệt trong công cuộc kháng chiến ở Nam Bộ”.

Kháng chiến bùng nổ ở thủ đô, làng báo văn tản đi bốn phương tám hướng. Hồ Dzếnh về Thanh dạy học, lập gia

đình. Rồi vợ chết để lại cho chồng đứa con trứng nước, ông xin về vùng tạm chiếm tìm người nhà đỡ đần việc nuôi con. Trong chuyện kiếm sống, lại cũng phải dùng đến ngòi bút.

Trên tờ Thần Chung ở Sài Gòn năm 1953 liên tục xuất hiện chùm phóng sự ký tên “Hoàng Liên - đặc phái viên của bản báo” viết về nhịp sống xây cất nhộn nhịp, bán buôn tấp nập của Hương Cảng từ sau 1949, về một nước Nhật hậu chiến lạng lẽ mãi miết làm việc hết sức mình... Đây chính là những trang viết gắn với chuyến Đông du ngắn ngủi hằn nhiều ấn tượng của Hồ Dzếnh. Nhưng mảng thành tích báo chí ấy, hầu như tác giả sẽ không bao giờ đem khoe với ai.

Sau Hiệp nghị Genève, đất nước tạm chia đôi, Hồ Dzếnh dứt khoát về Bắc. Kịch bản Đi hay ở có lẽ cũng hàm

ý tuyên bố lựa chọn của tác giả. Tại Hà Nội, Hồ Dzếnh tham dự Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (tháng 2 - 1957), đọc tham luận Một vài ý nghĩ về sáng tác, được bầu làm ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam; tham gia Đại hội thành lập Hội nhà văn Việt Nam (tháng 4 - 1957) và đương nhiên trở thành một trong số 165 hội viên sáng lập.

Nhưng tên tuổi Hồ Dzếnh đã thôi không còn hiện diện trên sách báo Hà Nội cùng với những số cuối cùng của tuần báo Văn, nơi người ta được đọc của ông những truyện ngắn hầu như sau cùng:

Tài Ngôn và Tiếng bạc cuối cùng;
với một bút pháp dựng truyện già dặn.

Từ 1958, Hồ Dzếnh có mặt trong

những đoàn văn nghệ sĩ thâm nhập thực tế tại mấy nhà máy quanh Hà Nội (nhà máy cơ khí trung quy mô, nhà máy xe lửa Gia Lâm), ban đầu là tham gia lao động cùng công nhân, sau trở thành thợ cơ khí, ăn lương theo hợp đồng. Tay thợ là chính thì tay bút là phụ: ông vẫn viết báo với những bút danh ít ai biết, đăng trên các báo Hà Nội. Hẳn đây là những bài người tốt việc tốt, không hại ai và ít ai để ý.

Làng văn làng báo Hà Nội dạo ấy quên dần cái tên Hồ Dzếnh. Giới văn học sử chính quy thì dứt khoát xóa tên tác giả này. Ở mấy công trình chính thức của Viện văn học, cơ quan có thẩm quyền về Văn học sử hồi ấy, như *Mấy vấn đề văn xuôi Việt Nam 1945 - 1970* (của Phong Lê, Nxb. KHXH, 1972), *Tác gia văn xuôi Việt Nam hiện đại sau 1945*

(Phong Lê chủ biên, Nxb. KHXH, 1977), người ta không thể tìm thấy chút gì về Hồ Dzếnh, ngay ở các bảng kê chi tiết xuất bản phẩm văn xuôi 1945 - 75 ở cuối sách. Người ta hiểu vì sao bài báo viết 1946 của Đặng Thai Mai (nhắc đến bên trên) đã bị tác giả của nó dứt khoát gạt khỏi các tập Trên đường học tập và nghiên cứu của mình.

Bị quên ở Bắc lại được nhớ đến ở Nam, đó là trường hợp của Hồ Dzếnh, cũng là trường hợp của Nguyễn Bính, Quang Dũng và nhiều cây bút khác. Từ 1965 đến 1975, một loạt tác phẩm của Hồ Dzếnh được mấy xuất bản gia tư nhân ở Sài Gòn in lại, một vài tạp chí, cũng của các nhóm tư nhân, ra đặc san về Hồ Dzếnh, tương tự như đã ra đặc san về nhiều nhà văn tiền chiến khác. Những ấn phẩm này dần dà đến tay giới viết

văn, giới nghiên cứu ngoài Bắc, nhất là từ sau tháng Tư 1975. Trong giới (chứ chưa phải trên mặt báo) bắt đầu nghe người ta nói khác trước về Hồ Dzếnh, về Nguyễn Bính, về Quang Dũng, v.v...

Đại hội Hội nhà văn Việt Nam lần thứ ba (tháng 9 - 1983), hội viên Hồ Dzếnh được tham dự. Cũng năm ấy, trong bộ Từ điển văn học (2 tập; Nxb. KHXH) có mục từ Hồ Dzếnh với tư cách một tác gia Trên tạp chí Sông Hương, năm ấy Hồ Dzếnh tái xuất hiện trong một phỏng vấn ngắn. Năm năm sau, vào đầu thời đổi mới, Hồ Dzếnh được thấy tập sách Tác phẩm chọn lọc của mình ra đời, được ký tặng sách cho bạn bè. Lễ công bằng của văn học sử được lập lại vào lúc nhà văn đã già. Niềm vui không xóa nổi nét bùi ngùi. Hai tháng sau lễ mừng thọ ở tuổi

75, Hồ Dzếnh vĩnh biệt thế gian (13-8-1991).

Bình sinh Hồ Dzếnh rất khiêm nhường. Hẳn sâu trong ý thức ông, ông không tự coi văn nghiệp mình là to lớn, nhưng hẳn ông cũng biết trong cái di sản hơi thừa mỏng từng được tạo ra dưới tay bút mình có cái gì đó khả thủ. Đó là tập truyện ngắn Chân trời cũ với vẻ đẹp của văn xuôi tự sự trữ tình. Ngoài ra, tuy khó đem cả tập thơ Quê ngoại ra chống chọi với thời gian, nhưng riêng bài thơ Chiều thì đó là một kiệt tác.

Với một cây bút không thật nhiều tham vọng, đời viết lại gặp nhiều trắc trở như Hồ Dzếnh, đạt được như thế đã là rất đáng kể.

Lại Nguyên Ân
21.7.2001

